

TỰ HỌC VÀ TRA CỨU

TÀI CHÍNH THỰC HÀNH TỪ A ĐẾN Z

Dành cho người mới vào nghề đến người đã có kinh nghiệm · Cập nhật quy định 2026

Practical Finance from A to Z – for beginners and working professionals

Tổng quan nghề · Con đường vào nghề · Kiến thức nền · Công việc tài chính từ A đến Z

Công cụ · Văn bản pháp luật · Lỗi hay gặp · 90 ngày đầu · Lộ trình, lương · Tìm việc

Cập nhật Luật Chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, TT 99 năm 2026

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 – Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vn>

MỤC LỤC

CONTENTS

Chương 1. Tổng quan nghề tài chính – Chapter 1. The finance profession at a glance . 6	
1.1. Tài chính doanh nghiệp làm gì, khác kế toán ở đâu – 1.1. What corporate finance does and how it differs from accounting	6
1.2. Bốn mảng việc của phòng Tài chính – 1.2. The four work streams of a finance department.....	8
1.3. Các nhánh nghề tài chính khác – 1.3. Other branches of the finance profession	9
1.4. Từ chuyên viên mới đến Giám đốc tài chính – 1.4. From new analyst to Chief Financial Officer	11
1.5. Phòng Tài chính Phúc An và các phòng khác – 1.5. Phúc An's finance department and the other departments.....	13
1.6. Nhịp năm tài chính và một ngày của Hoài An – 1.6. The financial year's rhythm and a day in Hoài An's work	14
1.7. Giới thiệu Công ty Cổ phần Bao bì Phúc An – 1.7. Introducing Phúc An Packaging Joint Stock Company.....	17
1.8. Việc máy làm được và việc người phải làm – 1.8. What machines can do and what people must do.....	19
1.9. Đạo đức nghề: bảo mật và thông tin nội bộ – 1.9. Professional ethics: confidentiality and inside information	21
1.10. Việc cần làm ngay – 1.10. Action checklist	22
Chương 2. Con đường vào nghề tài chính – Chapter 2. Getting into finance..... 24	
2.1. Ngành học phù hợp – 2.1. Degrees that fit	24
2.2. Người trái ngành và kế toán chuyển sang tài chính – 2.2. Career changers and accountants moving into finance.....	26
2.3. Tuyển chuyên viên phân tích tài chính: các vòng – 2.3. Hiring a financial analyst: the rounds.....	28
2.4. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán Việt Nam – 2.4. Vietnam's securities practising certificate.....	31
2.5. Chứng chỉ quốc tế: CFA, ACCA, CMA, FRM – 2.5. International qualifications: CFA, ACCA, CMA, FRM	34
2.6. Kỹ năng người tuyển nhìn trước tiên – 2.6. Skills employers check first	35
2.7. Lộ trình tự học 24 tuần – 2.7. A 24-week self-study plan	39
2.8. Bài mô hình 3 báo cáo: tuần 13–16 – 2.8. The three-statement model exercise: weeks 13–16.....	43
2.9. Thực tập: xin ở đâu, làm gì để được giữ lại – 2.9. Internships: where to apply and how to be kept on.....	46
2.10. Việc cần làm ngay – 2.10. Action checklist	49
Chương 3. Kiến thức nền cốt lõi – Chapter 3. Core knowledge 50	
3.1. Đọc báo cáo tình hình tài chính (mẫu B01) – 3.1. Reading the statement of financial position (form B01)	50

3.2. Đọc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu B02) – 3.2. Reading the income statement (form B02)	54
3.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu B03) và mối liên kết ba báo cáo – 3.3. The cash flow statement (form B03) and how the three statements link	56
3.4. Phân tích chỉ số tài chính và DuPont – 3.4. Ratio analysis and DuPont	59
3.5. Chu kỳ chuyển đổi tiền mặt – 3.5. The cash conversion cycle	62
3.6. Giá trị thời gian của tiền – 3.6. The time value of money	64
3.7. Rủi ro, lợi nhuận, đa dạng hóa, beta và CAPM – 3.7. Risk and return, diversification, beta and CAPM	66
3.8. Chi phí vốn và WACC – 3.8. Cost of capital and WACC	68
3.9. Cấu trúc vốn và đòn bẩy tài chính – 3.9. Capital structure and financial leverage ...	70
3.10. Thị trường tài chính Việt Nam – 3.10. Vietnam's financial markets	72
3.11. Việc cần làm ngay – 3.11. Action checklist	75

Chương 4. Công việc của chuyên viên tài chính từ A đến Z – Chapter 4. A finance analyst's work from A to Z

4.1. Lịch công việc: ngày, tuần, tháng, quý, năm – 4.1. The work calendar: daily, weekly, monthly, quarterly, annual	76
4.2. Đóng sổ tháng và báo cáo quản trị – 4.2. Month-end close and management reporting	80
4.3. Lập ngân sách 2027 từng bước – 4.3. Building the 2027 budget step by step	84
4.4. Phân tích chênh lệch ngân sách và thực hiện quý I/2027 – 4.4. Budget versus actual variance analysis, Q1 2027	89
4.5. Dự báo cuốn chiếu và kịch bản – 4.5. Rolling forecast and scenarios	95
4.6. Mô hình tài chính ba báo cáo trên Excel – 4.6. A three-statement financial model in Excel	97
4.7. Dự báo dòng tiền 13 tuần – 4.7. The 13-week cash flow forecast	103
4.8. Quản lý vốn lưu động – 4.8. Working capital management	109
4.9. Quan hệ ngân hàng và vay vốn – 4.9. Banking relationships and borrowing	114
4.10. Rủi ro tỷ giá – 4.10. Exchange rate risk	119
4.11. Thẩm định dự án dây chuyền – 4.11. Appraising the new production line	121
4.12. Huy động vốn – 4.12. Raising capital	126

Chương 5. Công cụ và phần mềm – Chapter 5. Tools and software

5.1. Thiết kế bảng tính cho tài chính – Designing a finance spreadsheet	133
5.2. Hàm tài chính: NPV, IRR, XNPV, PMT, RATE – Financial functions: NPV, IRR, XNPV, PMT, RATE	136
5.3. Hàm tra cứu và tổng hợp: SUMIFS, XLOOKUP, INDEX–MATCH, EOMONTH – Lookup and aggregation: SUMIFS, XLOOKUP, INDEX–MATCH, EOMONTH ...	138
5.4. Độ nhạy và kịch bản: Data Table, Goal Seek, Scenario Manager – Sensitivity and scenarios: Data Table, Goal Seek, Scenario Manager	140
5.5. PivotTable và biểu đồ thác nước cho báo cáo quản trị – PivotTable and waterfall charts for management reporting	142
5.6. Phím tắt hay dùng – Shortcuts worth learning	144
5.7. Power Query, Power BI và Python – Power Query, Power BI and Python	146

5.8. ERP và phần mềm kế toán: phân hệ tài chính dùng được gì – <i>ERP and accounting software: what the finance module gives you</i>	148
5.9. AI trong phân tích tài chính và bảo mật dữ liệu – <i>AI in financial analysis and data security</i>	149
5.10. Quản lý phiên bản tệp và phân quyền – <i>File version control and access rights</i>	151
5.11. Việc cần làm ngay – <i>Action checklist</i>	153

Chương 6. Văn bản pháp luật người làm tài chính phải biết – Chapter 6. Laws every finance professional must know 155

6.1. Bản đồ văn bản và cách tra – <i>6.1. Map of the texts and how to look them up</i>	155
6.2. Luật Doanh nghiệp: ai quyết định việc gì – <i>6.2. Law on Enterprises: who decides what</i>	162
6.3. Luật Chứng khoán: công ty đại chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ – <i>6.3. Securities Law: public companies and private share placements</i>	165
6.4. Nghị định 200/2026: trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ – <i>6.4. Decree 200/2026: private corporate bonds</i>	168
6.5. Công bố thông tin và hành vi bị cấm – <i>6.5. Disclosure and prohibited acts</i>	170
6.6. Vay ngân hàng và ngoại hối – <i>6.6. Bank borrowing and foreign exchange</i>	172
6.7. Thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí tài chính – <i>6.7. Corporate income tax and financing costs</i>	176
6.8. Kế toán, Thông tư 99 và khấu hao – <i>6.8. Accounting, Circular 99 and depreciation</i>	178
6.9. Thay đổi lớn 2025–2026 – <i>6.9. Major changes, 2025–2026</i>	181
6.10. Xử phạt tiêu biểu – <i>6.10. Typical penalties</i>	182
6.11. Việc cần làm ngay – <i>6.11. Action checklist</i>	184

Chương 7. Lỗi người mới hay mắc và cách tránh – Chapter 7. Common newcomer mistakes and how to avoid them 186

7.1. Mô hình Excel: sáu lỗi làm hỏng cả bảng – <i>Excel models: six mistakes that spoil the whole workbook</i>	186
7.2. Thẩm định dự án: sáu lỗi làm đổi dấu NPV – <i>Project appraisal: six mistakes that flip the sign of NPV</i>	189
7.3. Dòng tiền và vốn lưu động: ba lỗi về tiền – <i>Cash flow and working capital: three mistakes about cash</i>	192
7.4. Ngân sách và phân tích: bốn lỗi đọc số – <i>Budgeting and analysis: four mistakes in reading numbers</i>	194
7.5. Báo cáo và giao tiếp: ba lỗi làm mất niềm tin – <i>Reporting and communication: three mistakes that cost trust</i>	196
7.6. Ngân hàng và tỷ giá: ba lỗi dễ tốn tiền – <i>Banks and exchange rates: three costly mistakes</i>	197
7.7. Huy động vốn và thẩm quyền: một lỗi cần kiểm văn bản – <i>Funding and authority: one mistake that needs the text checked</i>	199
7.8. Bảo mật và đạo đức: hai lỗi không sửa được bằng cách làm lại – <i>Confidentiality and ethics: two mistakes you cannot fix by redoing the work</i>	201
7.9. Năm tình huống sửa sai có số – <i>Five worked corrections with numbers</i>	203

7.10. Mười hai phép tự kiểm trước khi gửi – <i>Twelve self-checks before you send</i>	204
7.11. Việc cần làm ngay – <i>Action checklist</i>	205
Chương 8. 90 ngày đầu làm tài chính – Chapter 8. Your first 90 days in finance	206
8.1. Trước ngày đầu tiên – <i>Before day one</i>	206
8.2. Hợp đồng và thời gian thử việc – <i>The contract and the probation period</i>	208
8.3. Tuần 1: quy chế, bảo mật và quyền truy cập – <i>Week 1: rules, confidentiality and system access</i>	210
8.4. Kế hoạch 13 tuần từ 01/10/2026 – <i>The 13-week plan from 1 October 2026</i>	213
8.5. Mốc 30, 60 và 90 ngày – <i>Milestones at 30, 60 and 90 days</i>	218
8.6. Mười tám câu nên hỏi trưởng nhóm – <i>Eighteen questions to ask your team lead</i>	219
8.7. Nhận góp ý mô hình và sửa – <i>Taking feedback on a model and fixing it</i>	221
8.8. Lấy số từ kế toán, kinh doanh và các phòng khác – <i>Getting figures from accounting, sales and other departments</i>	223
8.9. Mùa ngân sách và giờ làm thêm – <i>Budget season and overtime</i>	224
8.10. Việc cần làm ngay – <i>Action checklist</i>	226
Chương 9. Lộ trình thăng tiến và mức lương tham khảo – Chapter 9. Career path and salary benchmarks	228
9.1. Thang nghề tài chính doanh nghiệp – <i>The finance career ladder in a company</i>	228
9.2. Kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính, giám đốc tài chính – <i>Chief accountant, head of finance, finance director</i>	230
9.3. Lộ trình năm năm của Lê Hoài An – <i>Lê Hoài An's five-year route</i>	232
9.4. Nhánh rẽ ngoài phòng tài chính doanh nghiệp – <i>Side routes beyond the corporate finance department</i>	234
9.5. Lương: cách tự tra, không dùng số của người khác – <i>Pay: how to research it yourself</i>	235
9.6. Lương tối thiểu vùng – <i>Regional minimum wage</i>	239
9.7. Từ lương gross sang thực lĩnh – <i>From gross to take-home pay</i>	240
9.8. Thưởng theo kết quả và cổ phiếu ESOP – <i>Performance bonus and ESOP shares</i> ..	245
9.9. Cách tăng thu nhập – <i>How to raise your income</i>	248
9.10. Việc cần làm ngay – <i>Action checklist</i>	249
Chương 10. Tìm việc: CV, bài kiểm tra và phỏng vấn tài chính – Chapter 10. Job hunting: CV, tests and interviews	251
10.1. Đọc tin tuyển chuyên viên phân tích tài chính – <i>Reading a financial analyst advertisement</i>	251
10.2. CV một trang song ngữ – <i>A one-page bilingual CV</i>	253
10.3. Thư xin việc bằng tiếng Anh – <i>The covering letter in English</i>	255
10.4. Bài kiểm tra mô hình Excel – <i>The Excel modelling test</i>	256
10.5. Phỏng vấn: 28 câu hỏi và gợi ý trả lời – <i>The interview: 28 questions with suggested answers</i>	260
10.6. Bài kiểm tra nghiệp vụ mẫu: 10 câu có lời giải – <i>A sample technical test: ten questions with solutions</i>	266
10.7. Câu hỏi cho nhà tuyển dụng – <i>Questions for the employer</i>	269

10.8. Thỏa thuận lương: gross sang thực lĩnh – <i>Negotiating pay: gross to net</i>	271
10.9. Hợp đồng lao động, thử việc, cam kết bảo mật – <i>Employment contract, probation and confidentiality commitments</i>	273
10.10. Dấu hiệu nơi tuyển dụng rủi ro – <i>Warning signs of a risky employer</i>	275
10.11. Việc cần làm ngay – <i>Action checklist</i>	276

Phụ lục A. Biểu mẫu dùng ngay – *Appendix A. Ready-to-use templates*..... 278

A.1. Ngân sách năm 2027 – <i>A.1. Budget for 2027</i>	278
A.2. Báo cáo chênh lệch và gói báo cáo quản trị tháng – <i>A.2. Variance report and monthly management pack</i>	282
A.3. Dòng tiền 13 tuần và tuổi nợ phải thu – <i>A.3. 13-week cash flow and receivables ageing</i>	285
A.4. Bảng chỉ số tài chính – <i>A.4. Financial ratio table</i>	288
A.5. Quan hệ ngân hàng – <i>A.5. Bank relationship</i>	290
A.6. Khoản phải trả ngoại tệ – <i>A.6. Foreign-currency payables</i>	293
A.7. Thẩm định dự án dây chuyền mới – <i>A.7. Appraisal of the new production line</i>	295
A.8. Trình Hội đồng quản trị và huy động vốn – <i>A.8. Board submission and funding choice</i>	298
A.9. Đóng sổ tháng phía tài chính – <i>A.9. Month-end close, finance side</i>	301
A.10. Việc cần làm ngay – <i>A.10. Action checklist</i>	303

Phụ lục B. Thuật ngữ Anh – Việt – *Appendix B. English – Vietnamese glossary* 304

Chương 1. Tổng quan nghề tài chính – Chapter 1. The finance profession at a glance

Sau chương này bạn làm được – What you will be able to do

- Phân biệt việc của phòng Tài chính với việc của kế toán qua sản phẩm, người nhận và hậu quả khi sai.
Tell the finance department's work from accounting by output, recipient and cost of error.
- Gọi tên bốn mảng việc của một phòng tài chính doanh nghiệp và xác định mảng nào hợp với mình.
Name the four work streams of a corporate finance department and pick the one that suits you.
- So sánh các nhánh nghề tài chính và biết nhánh nào cần chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Luật Chứng khoán.
Compare the branches of the finance profession and know which ones need a securities practising certificate.
- Lập lịch một năm và một ngày làm việc của chuyên viên mới theo hạn thật của Công ty Cổ phần Bao bì Phúc An.
Draw up a working year and a working day for a new analyst, using the real deadlines of Phúc An Packaging Joint Stock Company.
- Nêu việc máy và AI làm thay được, việc người phải làm, và những điều không được làm với thông tin nội bộ.
State what software and AI can take over, what a person must still do, and what is forbidden with inside information.

1.1. Tài chính doanh nghiệp làm gì, khác kế toán ở đâu – 1.1. What corporate finance does and how it differs from accounting

Phòng Tài chính của một doanh nghiệp sản xuất trả lời ba câu hỏi bằng số: tiền từ đâu về, tiền đi vào đâu, và vốn bỏ ra có sinh lời cao hơn chi phí vốn hay không. Kế toán trả lời câu hỏi đứng trước cả ba: việc gì đã xảy ra và ghi lại sao cho đúng.

A manufacturer's finance department answers three questions with numbers: where cash comes from, where it goes, and whether the capital committed earns more than it costs. Accounting answers the question that comes before all three: what has happened, and how to record it correctly.

Tiêu chí Criterion	Kế toán Accounting	Tài chính Finance
Câu hỏi chính Core question	Đã phát sinh gì, ghi đúng chưa? <i>What has happened, and is it recorded correctly?</i>	Sắp có bao nhiêu tiền, nên làm gì với tiền và vốn? <i>How much cash is coming, and what should be done with cash and capital?</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Kế toán <i>Accounting</i>	Tài chính <i>Finance</i>
Hướng thời gian <i>Time horizon</i>	Quá khứ và hiện tại, đến ngày khóa sổ <i>Past and present, up to the closing date</i>	Tương lai: từ 13 tuần đến nhiều năm <i>Future: from 13 weeks to several years</i>
Khuôn bắt buộc <i>Mandatory framework</i>	Luật Kế toán, Thông tư 99/2025/TT-BTC <i>Accounting Law, Circular 99/2025/TT-BTC</i>	Mô hình, giả định và quy chế nội bộ; không có mẫu pháp luật quy định <i>Models, assumptions and internal policy; no legally prescribed format</i>
Cơ sở ghi số <i>Basis of figures</i>	Dồn tích: ghi khi nghiệp vụ phát sinh <i>Accrual: recorded when the transaction occurs</i>	Dòng tiền khi lập kế hoạch tiền và thẩm định dự án; dồn tích khi phân tích lãi lỗ <i>Cash flow for cash planning and project appraisal; accrual for profit analysis</i>
Sản phẩm <i>Output</i>	Sổ sách, báo cáo tài chính B01, B02, B03, tờ khai thuế <i>Ledgers, financial statements B01, B02, B03, tax returns</i>	Ngân sách, dự báo dòng tiền, mô hình dự án, tờ trình vay và đầu tư <i>Budgets, cash forecasts, project models, loan and investment proposals</i>
Người nhận <i>Recipient</i>	Cơ quan thuế, kiểm toán, cổ đông <i>Tax authority, auditors, shareholders</i>	Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, ngân hàng, nhà đầu tư <i>Executive Board, Board of Directors, banks, investors</i>
Khi sai thì <i>If it goes wrong</i>	Báo cáo sai, bị phạt, phải điều chỉnh <i>Misstated reports, penalties, restatement</i>	Quyết định sai: thiếu tiền trả lương, vi phạm cam kết với ngân hàng, đầu tư lỗ <i>Wrong decisions: no cash for payroll, a covenant breach, a loss-making investment</i>
Ở Phúc An <i>At Phúc An</i>	Trịnh Thu Hằng, kế toán trưởng	Ngô Thanh Tùng, Giám đốc tài chính

Hai phòng dùng chung một nguồn số. Tài chính lấy báo cáo B01 (Báo cáo tình hình tài chính), B02 và B03 do kế toán lập làm nguyên liệu, rồi hỏi tiếp những câu mà sổ sách không trả lời.

The two departments share one source of figures. Finance takes statements B01 (statement of financial position), B02 and B03 prepared by accounting as raw material, then asks the questions the ledgers cannot answer.

VÍ DỤ / EXAMPLE – Phúc An vay ngân hàng 178.000 triệu đồng. Kế toán ghi chi phí lãi vay năm 2026 là 18.450 triệu đồng và nợ gốc trên B01. Tài chính hỏi tiếp: EBITDA 76.900 triệu đồng so với lãi vay đó cho hệ số vay trên EBITDA 2,31 lần, và 12.000 triệu đồng gốc đến hạn trong năm tới sẽ lấy từ khoản thu nào.

Phúc An borrows VND 178,000 million from banks. Accounting records 2026 interest expense of VND 18,450 million and the principal on B01. Finance asks the next questions: EBITDA of VND 76,900 million against that interest gives debt to EBITDA of 2.31 times, and which receipts will fund the VND 12,000 million of principal falling due next year.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Người chuyển từ kế toán sang tài chính giữ thói quen khớp từng đồng rồi nộp dự báo dòng tiền trễ ba ngày vì một chênh lệch hai triệu đồng. Tuần đó Vũ Hải Đăng không biết trước tuần thiếu hụt để xin rút hạn mức. Dự báo cần đủ chính xác để quyết định đúng hạn; chênh lệch nhỏ ghi vào mục chưa đối chiếu và sửa ở bản cập nhật sau.

A newcomer from accounting keeps the habit of agreeing every dong, then submits the cash forecast three days late over a two-million difference. That week Vũ Hải Đăng has no warning of a shortfall week and cannot ask to draw on the credit line in time. A forecast must be accurate enough to decide on time; log small differences as unreconciled and fix them in the next update.

1.2. Bốn mảng việc của phòng Tài chính – 1.2. The four work streams of a finance department

Phòng Tài chính ở doanh nghiệp sản xuất chia việc thành bốn mảng. Quy mô nhỏ thì một người làm hai mảng; quy mô lớn thì mỗi mảng có nhóm riêng.

A manufacturer's finance department splits its work into four streams. In a small company one person covers two streams; in a large one each stream has its own team.

Mảng Stream	Câu hỏi Question	Đầu ra thường xuyên Regular output	Người ở Phúc An Who at Phúc An	Mục Section
FP&A: kế hoạch, ngân sách, dự báo, phân tích <i>FP&A: planning, budgeting, forecasting, analysis</i>	Năm tới kiếm bao nhiêu, và chênh lệch so với kế hoạch do đâu? <i>What will next year earn, and why does actual differ from plan?</i>	Ngân sách năm, dự báo cuốn chiếu, báo cáo chênh lệch, gói báo cáo quản trị tháng <i>Annual budget, rolling forecast, variance report, monthly management pack</i>	Đỗ Minh Châu, Lê Hoài An	4.1–4.6
Ngân quỹ: dòng tiền, vốn lưu động, ngân hàng, tỷ giá <i>Treasury: cash flow, working capital, banks, exchange rates</i>	Tuần này đủ tiền trả chưa, vay hay gửi, tỷ giá ảnh hưởng bao nhiêu? <i>Is there enough cash this week, borrow or deposit, what does the exchange rate cost?</i>	Bảng dòng tiền 13 tuần, lịch trả nợ, bảng theo dõi cam kết tài chính, vị thế ngoại tệ <i>13-week cash table, debt schedule, covenant tracker, foreign-currency position</i>	Vũ Hải Đăng	4.7–4.10
Đầu tư và thẩm định dự án <i>Investment and project appraisal</i>	Dây chuyền mới có đáng bỏ vốn không? <i>Is the new production line worth the capital?</i>	Mô hình dòng tiền dự án, NPV, IRR, độ nhạy, tờ trình Hội đồng quản trị <i>Project cash-flow model, NPV, IRR, sensitivity, proposal to the Board</i>	Ngô Thanh Tùng trình, Lê Hoài An dựng mô hình	4.11

Mảng <i>Stream</i>	Câu hỏi <i>Question</i>	Đầu ra thường xuyên <i>Regular output</i>	Người ở Phúc An <i>Who at Phúc An</i>	Mục <i>Section</i>
Huy động vốn và quan hệ nhà đầu tư <i>Capital raising and investor relations</i>	Vốn lấy từ vay, trái phiếu hay cổ phiếu, và công bố thông tin thế nào? <i>Raise capital by loan, bond or shares, and how to disclose?</i>	Bảng so sánh phương án, hồ sơ chào bán, công bố thông tin định kỳ <i>Option comparison, offering file, periodic disclosure</i>	Ngô Thanh Tùng	4.12

Ba mảng đầu gặp nhau ở một bảng số: ngân sách 2027 quyết định sản lượng và chi phí, dự báo dòng tiền biến chúng thành số tiền theo tuần, còn dự án dây chuyền mới thêm vốn đầu tư vào cả hai. Mảng thứ tư trả lời việc tiền lấy ở đâu khi ba mảng kia cho thấy thiếu.

The first three streams meet in one set of numbers: the 2027 budget fixes volumes and costs, the cash forecast turns them into weekly amounts, and the new-line project adds capital spending to both. The fourth stream answers where the money comes from when the others show a gap.

GHI NHỚ / KEY POINT – Kế toán ghi nhận quá khứ theo chuẩn mực; tài chính lập kế hoạch và ra quyết định về tiền và vốn. Một chuyên viên tài chính làm tốt vì đọc được số kế toán và đòi được số đúng hạn từ kế toán.

Accounting records the past under a standard; finance plans and decides about cash and capital. A finance analyst does well by reading accounting figures and getting them from accounting on time.

1.3. Các nhánh nghề tài chính khác – 1.3. Other branches of the finance profession

Cùng gọi là tài chính nhưng nơi làm, khách hàng và điều kiện pháp lý khác nhau. Chỉ nhánh nào kinh doanh hoặc tư vấn chứng khoán mới kéo theo chứng chỉ hành nghề: Điều 97 Luật Chứng khoán (VBHN 102/2026) có ba loại là môi giới chứng khoán, phân tích tài chính và quản lý quỹ.

All are called finance, but workplace, client and legal conditions differ. Only the branches that trade or advise on securities bring a practising certificate: Article 97 of the Law on Securities (consolidated text 102/2026) lists three types, namely securities brokerage, financial analysis and fund management.

Nhánh <i>Branch</i>	Nơi làm <i>Where</i>	Việc chính <i>Main work</i>	Yêu cầu pháp lý <i>Legal requirement</i>
Tài chính doanh nghiệp (sách này) <i>Corporate finance (this book)</i>	Doanh nghiệp sản xuất, thương mại <i>Manufacturers and traders</i>	Phân tích, ngân sách, ngân quỹ, thẩm định dự án, huy động vốn <i>Analysis, budgeting, treasury, project appraisal, capital raising</i>	Ngoài ba loại chứng chỉ hành nghề của Điều 97. Nếu là công ty đại chúng thì công bố thông tin theo Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Outside the three certificates of Article 97. A public company discloses under Article 10 of Circular 96/2020/TT-BTC</i>

Nhánh <i>Branch</i>	Nơi làm <i>Where</i>	Việc chính <i>Main work</i>	Yêu cầu pháp lý <i>Legal requirement</i>
Ngân hàng đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp <i>Investment banking, corporate finance advisory</i>	Công ty chứng khoán, công ty tư vấn <i>Securities companies, advisory firms</i>	Tư vấn chào bán, bảo lãnh phát hành, định giá, tư vấn tái cơ cấu <i>Offering advice, underwriting, valuation, restructuring advice</i>	Bảo lãnh phát hành và tư vấn đầu tư là nghiệp vụ của công ty chứng khoán (Điều 86). Kinh doanh chứng khoán khi chưa được cấp phép bị cấm (Điều 12 khoản 4) <i>Underwriting and investment advice are securities-company services (Article 86). Trading securities without a licence is prohibited (Article 12, clause 4)</i>
Công ty chứng khoán: môi giới, phân tích <i>Securities company: brokerage, research</i>	Công ty chứng khoán <i>Securities companies</i>	Môi giới, tự doanh, phân tích cổ phiếu và trái phiếu <i>Brokerage, proprietary trading, equity and bond research</i>	Chứng chỉ môi giới hoặc phân tích tài chính (Điều 97). Chỉ hành nghề với tư cách đại diện công ty (Điều 98 khoản 1); không làm đồng thời cho từ hai công ty trở lên (Điều 98 khoản 2 điểm a) <i>Brokerage or financial-analysis certificate (Article 97). Practise only as a company's representative (Article 98, clause 1); no concurrent work for two or more companies (Article 98, clause 2(a))</i>
Quản lý quỹ <i>Fund management</i>	Công ty quản lý quỹ <i>Fund management companies</i>	Quản lý danh mục và quỹ đầu tư cho nhà đầu tư <i>Managing portfolios and funds for investors</i>	Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (Điều 97) <i>Fund-management practising certificate (Article 97)</i>
Tư vấn tài chính cá nhân <i>Personal financial advice</i>	Công ty tư vấn, bộ phận khách hàng cá nhân <i>Advisory firms, retail client teams</i>	Đánh giá tài sản, nợ, dòng tiền, thuế, bảo hiểm của khách rồi lập kế hoạch đạt mục tiêu <i>Assess a client's assets, debts, cash flow, tax and insurance, then plan towards goals</i>	Tư vấn đầu tư chứng khoán là nghiệp vụ của công ty chứng khoán (Điều 86); khuyến nghị mã cụ thể phải đặt trong khung này <i>Securities investment advice is a securities-company service (Article 86); recommending specific securities must sit within that framework</i>
Tài chính công <i>Public finance</i>	Cơ quan tài chính nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách <i>State finance bodies, budget-funded units</i>	Lập dự toán, theo dõi thu chi ngân sách, quyết toán <i>Preparing estimates, monitoring budget revenue and spending, final accounts</i>	Luật Ngân sách nhà nước (VBHN 89/2026), áp dụng từ năm ngân sách 2026 <i>State Budget Law (consolidated text 89/2026), applying from budget year 2026</i>
Tài chính	Tổ chức tín	Quản lý vốn và thanh	Ngân hàng theo Luật Các tổ chức

Nhánh <i>Branch</i>	Nơi làm <i>Where</i>	Việc chính <i>Main work</i>	Yêu cầu pháp lý <i>Legal requirement</i>
trong ngân hàng, bảo hiểm <i>Finance inside banks and insurers</i>	dụng, doanh nghiệp bảo hiểm <i>Credit institutions, insurers</i>	khoản, thẩm định tín dụng, định giá sản phẩm, quản trị rủi ro <i>Capital and liquidity management, credit appraisal, product pricing, risk management</i>	tín dụng (VBHN 143/2026); bảo hiểm theo luật chuyên ngành. Hai ngành có sách riêng <i>Banks under the Law on Credit Institutions (consolidated text 143/2026); insurers under their sector law. Each has its own book</i>

GHI CHÚ / NOTE – Mô tả nhiệm vụ của các nghề lấy ý từ O*NET OnLine (Financial Managers 11-3031.00; Financial and Investment Analysts 13-2051.00; Personal Financial Advisors 13-2052.00), do Bộ Lao động Hoa Kỳ công bố theo giấy phép CC BY 4.0.
*Occupation descriptions draw on O*NET OnLine (Financial Managers 11-3031.00; Financial and Investment Analysts 13-2051.00; Personal Financial Advisors 13-2052.00) by the U.S. Department of Labor, used under the CC BY 4.0 licence.*

Phúc An làm việc với các nhánh này từ bên mua dịch vụ: ngân hàng cho vay hạn mức và vay trung hạn, công ty chứng khoán tư vấn nếu Phúc An chào bán trái phiếu hoặc cổ phiếu riêng lẻ, nhà đầu tư là bên mua các chứng khoán đó. Hoài An làm ở phía doanh nghiệp nên không cần chứng chỉ hành nghề để làm việc hằng ngày; chứng chỉ chỉ cần khi chuyển sang công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ. Chương 2 nói về điều kiện cấp chứng chỉ.

Phúc An meets these branches as a buyer of services: banks lend the credit line and the medium-term loan, a securities company advises if Phúc An offers bonds or shares privately, and investors buy those securities. Hoài An works on the corporate side and needs no practising certificate for daily work; she would need one only when moving to a securities or fund management company. Chapter 2 covers the conditions for the certificate.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Sinh viên mới ra trường đăng ký ngay kỳ thi chứng chỉ môi giới chứng khoán dù mục tiêu là FP&A ở nhà máy. Tiền và vài tháng ôn thi không đổi lấy được vị trí nào ở phòng Tài chính doanh nghiệp. Xác định nhánh trước, chứng chỉ sau.
A fresh graduate registers for the securities brokerage exam although the goal is FP&A at a factory. The fees and months of revision buy no position in a corporate finance department. Choose the branch first, the certificate second.

1.4. Từ chuyên viên mới đến Giám đốc tài chính – 1.4. From new analyst to Chief Financial Officer

Bảng dưới nêu việc, sản phẩm và lỗi hay gặp của năm bậc. Bốn bậc có người trong sơ đồ phòng Tài chính Phúc An ở mục 1.5; bậc chuyên viên cao cấp chưa có người. Chương 9 nói về số năm và kỹ năng cần cho mỗi bậc.

The table sets out the work, output and typical errors of five grades. Four of them are filled in Phúc An's finance chart in section 1.5; the senior analyst grade is vacant. Chapter 9 covers years and skills for each grade.

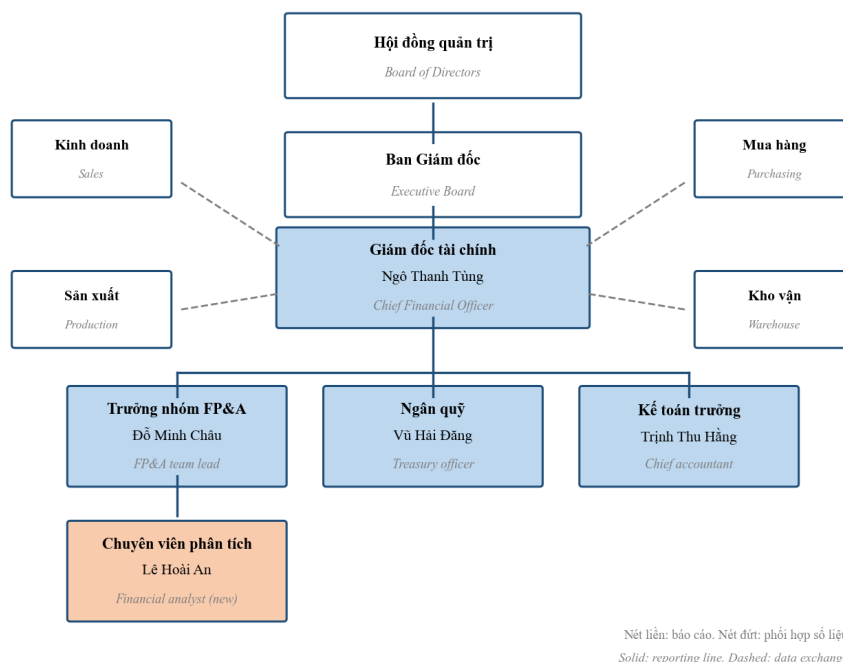
Vị trí <i>Position</i>	Nhiệm vụ <i>Duties</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Sai sót hay gặp <i>Typical errors</i>
Chuyên viên phân tích tài chính (Lê Hoài An) <i>Financial analyst (Lê Hoài An)</i>	Cập nhật số thực hiện, dựng bảng chênh lệch, dựng mô hình theo giả định của trưởng nhóm <i>Update actuals, build variance tables, build models on the team lead's assumptions</i>	Bảng Excel có ô kiểm tra, ghi chú ba đến năm dòng <i>Excel workbook with check cells, a three-to-five-line note</i>	Gõ cứng số, lẫn đơn vị triệu và tỷ, quên ghi nguồn số <i>Hard-coded numbers, mixing millions and billions, no source noted</i>
Chuyên viên ngân quỹ (Vũ Hải Đăng) <i>Treasury officer (Vũ Hải Đăng)</i>	Cập nhật dòng tiền 13 tuần mỗi thứ Hai, làm việc với ngân hàng, theo dõi tỷ giá <i>Update the 13-week cash table every Monday, deal with banks, track exchange rates</i>	Bảng dòng tiền, lịch trả nợ, đề nghị rút hạn mức <i>Cash table, debt schedule, credit-line drawdown request</i>	Sót khoản chi lớn như thuế và thanh toán USD; không báo trước tuần thiếu hụt <i>Missing large payments such as tax and USD settlements; no warning of a shortfall week</i>
Chuyên viên cao cấp <i>Senior analyst</i>	Tự dựng mô hình dự án, hướng dẫn người mới, soát số của nhóm <i>Build project models independently, coach newcomers, review the team's numbers</i>	Mô hình thẩm định, bản thảo tờ trình <i>Appraisal model, draft proposal</i>	Bỏ vốn lưu động khỏi dòng tiền dự án; chọn độ nhạy tùy ý <i>Leaving working capital out of project cash flows; arbitrary sensitivity ranges</i>
Trưởng nhóm FP&A (Đỗ Minh Châu) <i>FP&A team lead (Đỗ Minh Châu)</i>	Phân công, soát số, trình Giám đốc tài chính, họp ngân sách với các phòng <i>Allocate work, review numbers, report to the CFO, run budget meetings with departments</i>	Ngân sách, báo cáo quản trị, nhận xét chênh lệch <i>Budget, management reports, variance commentary</i>	Trình số khi chưa đối chiếu với kế toán; nhận xét chỉ mô tả, không nêu việc phải làm <i>Presenting numbers before reconciling with accounting; commentary that describes but proposes no action</i>
Giám đốc tài chính (Ngô Thanh Tùng) <i>Chief Financial Officer (Ngô Thanh Tùng)</i>	Quyết định phương án vốn, trình Hội đồng quản trị, làm việc với ngân hàng và nhà đầu tư <i>Decide the funding plan, present to the Board, deal with banks and investors</i>	Tờ trình Hội đồng quản trị, chiến lược vốn, họp với ngân hàng <i>Board proposals, capital strategy, bank meetings</i>	Cam kết với ngân hàng khi chưa kiểm khả năng đáp ứng; kết luận trước khi có số <i>Committing to a bank before checking capacity to comply; concluding before the numbers are in</i>

Kế toán trưởng Trịnh Thu Hằng đứng ở nhánh kế toán, không nằm trên thang này, nhưng chị là người chốt số mà cả phòng dùng. Giám đốc tài chính và kế toán trưởng đều thuộc

nhóm người nội bộ theo Điều 4 khoản 45 Luật Chứng khoán; điều đó kéo theo nghĩa vụ ở mục 1.9.

Chief accountant Trịnh Thu Hằng belongs to the accounting track rather than this ladder, but she signs off the numbers the whole department uses. The CFO and the chief accountant both count as insiders under Article 4, clause 45 of the Law on Securities; section 1.9 sets out the duties that follow.

1.5. Phòng Tài chính Phúc An và các phòng khác – 1.5. Phúc An's finance department and the other departments



Hình 1.1. Sơ đồ phòng Tài chính Phúc An và các đầu mối phối hợp
Figure 1.1. Phúc An's finance department and the departments it works with

Hoài An báo cáo cho chị Châu. Số liệu thực hiện đến từ kế toán; giả định bán hàng đến từ kinh doanh; giả định sản lượng và định mức đến từ sản xuất; giá và kỳ hạn thanh toán nguyên liệu đến từ mua hàng. Bảng dưới ghi từng dòng trao đổi.

Hoài An reports to Ms Châu. Actuals come from accounting; sales assumptions from sales; volume and standard-cost assumptions from production; material prices and payment terms from purchasing. The table lists each exchange.

Phòng Department	Tài chính nhận Finance receives	Tài chính trả lại Finance returns	Nhịp Rhythm
Kế toán Accounting	Số thực hiện đã chốt, B01, B02, B03, lịch đóng sổ Closed actuals, B01, B02, B03, closing calendar	Ngân sách, yêu cầu phân tích, chỉ tiêu cần bổ sung Budget, analysis requests, extra items needed	Hàng tháng, sau đóng sổ Monthly, after close

Phòng <i>Department</i>	Tài chính nhận <i>Finance receives</i>	Tài chính trả lại <i>Finance returns</i>	Nhịp <i>Rhythm</i>
Kinh doanh <i>Sales</i>	Dự báo sản lượng và giá theo nhóm khách, đề xuất chính sách tín dụng <i>Volume and price forecasts by customer group, proposed credit terms</i>	Báo cáo chênh lệch doanh thu theo giá, lượng, cơ cấu; bảng tuổi nợ phải thu <i>Revenue variance by price, volume and mix; receivables ageing</i>	Hàng tháng; họp ngân sách 26/10/2026 <i>Monthly; budget kick-off 26/10/2026</i>
Sản xuất <i>Production</i>	Kế hoạch sản lượng, định mức, kế hoạch mua máy <i>Output plan, standards, machinery purchase plan</i>	Giá thành, biến phí, ngân sách chi phí, kết quả thẩm định dự án <i>Unit cost, variable costs, cost budget, project appraisal results</i>	Hàng tháng; mùa ngân sách <i>Monthly; budget season</i>
Mua hàng <i>Purchasing</i>	Giá giấy cuộn, kỳ hạn thanh toán nhà cung cấp, lịch nhập khẩu <i>Paper-reel prices, supplier payment terms, import schedule</i>	Dự báo tiền chi mua theo tuần, vị thế USD, hạn đảo hạn <i>Weekly purchase payments forecast, USD position, due dates</i>	Hàng tuần; hóa đơn 600.000 USD nhận 15/10/2026 <i>Weekly; USD 600,000 invoice received 15/10/2026</i>
Kho vận <i>Warehouse</i>	Số tồn kho, vòng quay tồn kho <i>Inventory balances and turnover</i>	Số ngày tồn kho, mục tiêu giảm vốn lưu động <i>Days of inventory, working-capital reduction targets</i>	Hàng tháng <i>Monthly</i>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc <i>Board, Executive Board</i>	Yêu cầu, giới hạn rủi ro, quyết định <i>Requests, risk limits, decisions</i>	Ngân sách, tờ trình dự án, phương án tài trợ <i>Budget, project proposals, funding plan</i>	Duyệt ngày 15/12/2026 <i>Approval on 15/12/2026</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Hoài An lấy doanh thu từ tệp riêng của phòng Kinh doanh mà không đối chiếu số kế toán. Hai bản doanh thu lệch nhau, Ban Giám đốc hỏi bản nào đúng và buổi họp mất nửa giờ cho việc đó. Số thực hiện chỉ lấy từ kế toán sau khi đóng sổ; số của phòng khác dùng làm giả định và ghi rõ nguồn.

Hoài An takes revenue from the sales team's own file without reconciling to accounting. The two revenue figures differ, the Executive Board asks which is right and half the meeting goes on it. Actuals come only from accounting after close; other departments' figures serve as assumptions with the source stated.

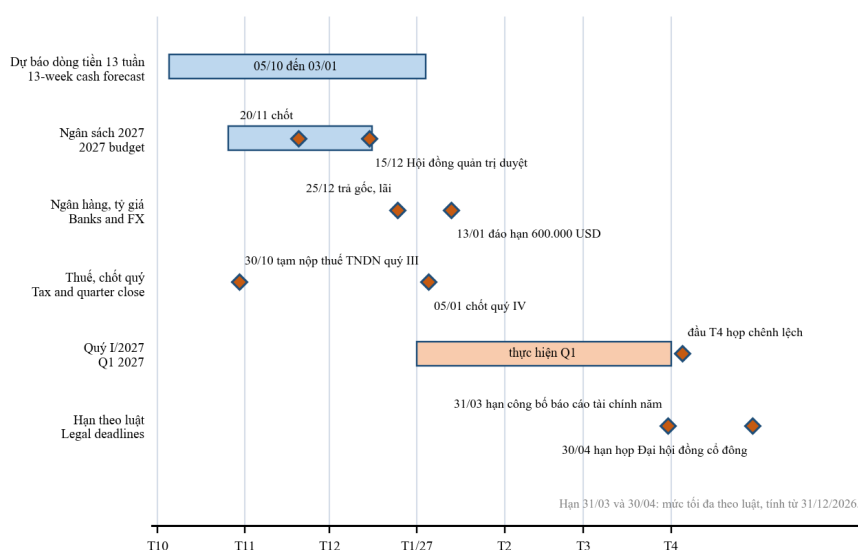
1.6. Nhịp năm tài chính và một ngày của Hoài An – 1.6. The financial year's rhythm and a day in Hoài An's work

Công việc tài chính theo lịch cố định: ngân sách vào mùa thu, đóng sổ vào cuối quý, báo cáo năm và đại hội cổ đông vào đầu năm sau. Hạn nào do pháp luật quy định thì ghi căn cứ; hạn nào do Phúc An tự đặt thì ghi ngày họp.

Finance work follows a fixed calendar: budgets in autumn, closing at quarter-end, annual reports and the shareholders' meeting early the next year. A deadline set by law carries its source; one set by Phúc An carries the meeting date.

Thời điểm <i>When</i>	Việc <i>Work</i>	Căn cứ hoặc hạn <i>Basis or deadline</i>
Từ 05/10/2026 <i>From</i> 05/10/2026	Bắt đầu bảng dự báo dòng tiền 13 tuần, cập nhật mỗi thứ Hai <i>Start the 13-week cash table, updated every Monday</i>	Kết thúc tuần 13 ngày 03/01/2027 <i>Week 13 ends 03/01/2027</i>
26/10/2026	Họp khởi động ngân sách 2027 <i>2027 budget kick-off meeting</i>	Lịch nội bộ <i>Internal calendar</i>
30/10/2026	Tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý III <i>Provisional corporate income tax payment for Q3</i>	Lịch nộp thuế <i>Tax payment calendar</i>
20/11/2026	Chốt ngân sách 2027 <i>Freeze the 2027 budget</i>	Lịch nội bộ <i>Internal calendar</i>
15/12/2026	Hội đồng quản trị duyệt ngân sách và phương án tài trợ dự án <i>Board approves the budget and project funding plan</i>	Quyết định của Hội đồng quản trị <i>Board decision</i>
25/12/2026	Trả gốc và lãi vay trung hạn kỳ quý IV <i>Pay Q4 principal and interest on the medium-term loan</i>	Lịch trả nợ trong hợp đồng vay <i>Repayment schedule in the loan agreement</i>
05/01/2027	Chốt quý IV <i>Q4 close</i>	Lịch đóng sổ <i>Closing calendar</i>
13/01/2027	Đáo hạn khoản phải trả 600.000 USD <i>USD 600,000 payable falls due</i>	Điều khoản thanh toán sau 90 ngày kể từ 15/10/2026 <i>Payment 90 days after 15/10/2026</i>
Đến 31/03/2027 <i>By</i> 31/03/2027	Công bố báo cáo tài chính năm đã kiểm toán; kết thúc quý I <i>Publish audited annual financial statements; Q1 ends</i>	Điều 10 khoản 1 Thông tư 96/2020/TT-BTC: 10 ngày kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán, không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (31/03/2027) <i>Article 10, clause 1, Circular 96/2020/TT-BTC: 10 days from the audit report date, no later than 90 days after year-end (31/03/2027)</i>
Đầu 04/2027 <i>Early</i> 04/2027	Họp phân tích chênh lệch giá, lượng, cơ cấu quý I <i>Q1 price, volume and mix variance meeting</i>	Lịch nội bộ <i>Internal calendar</i>

Thời điểm <i>When</i>	Việc <i>Work</i>	Căn cứ hoặc hạn <i>Basis or deadline</i>
Đến 30/04/2027 <i>By 30/04/2027</i>	Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hằng năm <i>Annual general meeting discusses the business plan and annual financial statements</i>	Điều 139 khoản 2 Luật Doanh nghiệp: họp trong 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính (30/04/2027); Hội đồng quản trị được gia hạn nhưng không quá 06 tháng (30/06/2027) nếu Điều lệ không quy định khác <i>Article 139, clause 2, Enterprise Law: within 4 months of year-end (30/04/2027); the Board may extend to no more than 6 months (30/06/2027) unless the charter provides otherwise</i>



Hình 1.2. Nhịp công việc từ tháng 10/2026 đến tháng 4/2027 của phòng Tài chính Phúc An
Figure 1.2. Work rhythm of Phúc An's finance department, October 2026 to April 2027

Một ngày làm việc của Lê Hoài An được dựng quanh ngày thứ Hai 05/10/2026, ngày Phúc An bắt đầu bảng dòng tiền 13 tuần. Giờ giấc là lịch gợi ý, không phải quy chế của Phúc An.

Lê Hoài An's working day is built around Monday 05/10/2026, the day Phúc An starts its 13-week cash table. The times are a suggested pattern, not a Phúc An policy.

Giờ <i>Time</i>	Việc <i>Task</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Làm với <i>With</i>
08:30	Nhận số dư tài khoản ngân hàng cuối tuần trước, đối chiếu với dự báo <i>Receive last week's bank balances and compare with the forecast</i>	Cột thực tế của bảng dòng tiền được điền <i>Actual column of the cash table filled in</i>	Vũ Hải Đăng

Giờ <i>Time</i>	Việc <i>Task</i>	Đầu ra <i>Output</i>	Làm với <i>With</i>
09:30	Cập nhật khoản thu tuần 1 theo tuổi nợ phải thu, khoản chi theo lịch thanh toán nhà cung cấp <i>Update week 1 receipts by receivables ageing and payments by supplier schedule</i>	Bản nháp bảng 13 tuần <i>Draft 13-week table</i>	Kế toán, Mua hàng <i>Accounting, Purchasing</i>
11:00	Họp nhóm FP&A mười lăm phút, nhận việc trong ngày <i>Fifteen-minute FP&A meeting, receive the day's tasks</i>	Danh sách việc kèm hạn <i>Task list with deadlines</i>	Đỗ Minh Châu
13:30	Tính số tuần thiếu hụt và số tiền cần rút hạn mức <i>Work out shortfall weeks and the amount to draw on the credit line</i>	Dòng cảnh báo và đề nghị rút hạn mức <i>Warning line and drawdown request</i>	Vũ Hải Đăng
15:00	Hỏi kế toán các khoản phải thu quá hạn chưa có trong bảng tuổi nợ <i>Ask accounting about overdue receivables missing from the ageing table</i>	Danh sách đối chiếu <i>Reconciliation list</i>	Kế toán <i>Accounting</i>
16:30	Ghi giả định và nguồn số, lưu tệp theo quy ước tên, gửi chị Châu <i>Record assumptions and sources, save the file under the naming rule, send to Ms Châu</i>	Tệp nộp kèm ghi chú năm dòng <i>File submitted with a five-line note</i>	Đỗ Minh Châu

VÍ DỤ / EXAMPLE – Bản dự báo đầu tiên của Hoài An cho thấy tuần 1 và tuần 3 thiếu hụt tiền, tổng số rút hạn mức trong 13 tuần là 5.000 triệu đồng, số dư cuối tuần 13 là 23.805 triệu đồng. Hải Đăng cần biết tuần 1 trước khi tuần đó trôi qua nên bản nháp được gửi ngay trong ngày.

Hoài An's first forecast shows cash shortfalls in weeks 1 and 3, total credit-line drawings over 13 weeks of VND 5,000 million and a week 13 closing balance of VND 23,805 million. Hải Đăng needs week 1 before it has passed, so the draft goes out the same day.

1.7. Giới thiệu Công ty Cổ phần Bao bì Phúc An – 1.7. Introducing Phúc An Packaging Joint Stock Company

Mọi ví dụ trong sách xoay quanh một doanh nghiệp: Phúc An, nhà máy ở tỉnh Hưng Yên, sản xuất bao bì carton sóng, hộp giấy in offset và giấy bao gói. Bảng dưới là hồ sơ để đối chiếu khi đọc các chương sau.

Every example in this book revolves around one company: Phúc An, with its plant in Hưng Yên province, making corrugated cartons, offset-printed paper boxes and wrapping paper. The table is a profile to refer back to in later chapters.

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Nội dung <i>Detail</i>
Tên <i>Name</i>	Công ty Cổ phần Bao bì Phúc An <i>Phúc An Packaging Joint Stock Company</i>
Ngành và sản phẩm <i>Industry and products</i>	Sản xuất bao bì: carton sóng, hộp giấy in offset, giấy bao gói <i>Packaging: corrugated carton, offset-printed paper boxes, wrapping paper</i>
Địa bàn <i>Location</i>	Nhà máy tại tỉnh Hưng Yên <i>Plant in Hưng Yên province</i>
Hình thức <i>Status</i>	Công ty cổ phần, là công ty đại chúng chưa niêm yết <i>Joint stock company, a public company not yet listed</i>
Vốn góp <i>Paid-in capital</i>	120.000 triệu đồng: 12 triệu cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng <i>VND 120,000 million: 12 million shares at VND 10,000 par</i>
Doanh thu 2025 và 2026 <i>Revenue 2025 and 2026</i>	740.000 và 820.000 triệu đồng, tăng 10,8% <i>VND 740,000 million and VND 820,000 million, up 10.8%</i>
Lợi nhuận sau thuế 2025 và 2026 <i>Profit after tax 2025 and 2026</i>	24.000 và 29.960 triệu đồng <i>VND 24,000 million and VND 29,960 million</i>
EBITDA 2026	76.900 triệu đồng <i>VND 76,900 million</i>
Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu cuối 2026 <i>Total assets and equity at end-2026</i>	492.360 và 218.960 triệu đồng <i>VND 492,360 million and VND 218,960 million</i>
Nợ vay ngân hàng và hạn mức <i>Bank debt and credit line</i>	178.000 triệu đồng; hạn mức 100.000 triệu đồng <i>VND 178,000 million; credit line VND 100,000 million</i>
Chế độ kế toán và thuế <i>Accounting regime and tax</i>	Thông tư 99/2025/TT-BTC; thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% <i>Circular 99/2025/TT-BTC; corporate income tax rate 20%</i>
Dự án đang xét <i>Project under review</i>	Dây chuyền mới: NPV 6.879 triệu đồng, IRR 12,71% so với WACC 11,41% <i>New line: NPV VND 6,879 million, IRR 12.71% against WACC 11.41%</i>

Phúc An là công ty đại chúng chưa niêm yết. Điều 32 khoản 1 Luật Chứng khoán gọi công ty cổ phần là công ty đại chúng khi vốn điều lệ đã góp và vốn chủ sở hữu đều từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ, hoặc đã chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Vì thế phòng Tài chính phải công bố báo cáo năm đã kiểm toán, và các đợt chào bán riêng lẻ của Phúc An theo Điều 31 Luật Chứng khoán. Các điều kiện cụ thể nằm ở mục 4.12.

Phúc An is a public company that is not yet listed. Article 32, clause 1 of the Law on Securities treats a joint stock company as a public company when its paid-in charter capital and its equity are both at least VND 30 billion and at least 10% of voting shares are held by at least 100 investors who are not major shareholders, or when it has successfully completed an initial public offering of shares. The finance department must therefore publish audited annual statements, and Phúc An's private offerings follow Article 31 of the Law on Securities. The detailed conditions are in section 4.12.

GHI NHỚ / KEY POINT – Mọi số về Phúc An trong sách dùng đơn vị triệu đồng, trừ khi ghi khác. Số của Phúc An là tình huống do sách dựng để luyện tập, không phải số của một doanh nghiệp có thật.

All Phúc An figures in this book are in VND million unless stated otherwise. They are a constructed case for practice, not the figures of a real company.

1.8. Việc máy làm được và việc người phải làm – 1.8. What machines can do and what people must do

Excel, hệ thống ERP và công cụ AI nhận phần lớn việc cộng, tra, tính và dựng bản nháp. Quyết định về giả định, kiểm tra và chịu trách nhiệm về số vẫn thuộc người ký tên dưới bảng.

Excel, ERP systems and AI tools take over most adding, looking up, calculating and drafting. Deciding the assumptions, checking, and answering for the figures remain with the person who signs under the table.

Việc <i>Task</i>	Máy và phần mềm làm được <i>Machine or software</i>	Người phải làm <i>The person</i>
Lấy số từ phần mềm kế toán <i>Pull figures from accounting software</i>	ERP xuất số dư phải thu theo khách; Power Query gom nhiều tệp <i>ERP exports receivables by customer; Power Query combines files</i>	Chọn kỳ, đối chiếu tổng với sổ cái, hỏi kế toán về số bất thường <i>Choose the period, agree totals to the ledger, ask accounting about odd items</i>
Cập nhật dòng tiền 13 tuần <i>Update the 13-week cash table</i>	Hàm SUMIFS cộng khoản thu và chi theo tuần từ danh sách <i>SUMIFS adds receipts and payments per week from a list</i>	Quyết định khoản nào chắc chắn về, trễ bao nhiêu ngày, khoản nào dòi <i>Decide which receipts are certain, how many days late, which payments slip</i>
Tính NPV, IRR, độ nhạy <i>Calculate NPV, IRR, sensitivity</i>	XNPV, XIRR và Data Table cho kết quả trong vài giây <i>XNPV, XIRR and Data Table return results in seconds</i>	Chọn dòng tiền đưa vào, suất chiết khấu, kịch bản; chịu trách nhiệm kết luận <i>Choose the cash flows, discount rate and scenarios; own the conclusion</i>
Viết nhận xét chênh lệch <i>Write variance commentary</i>	Công cụ AI soạn bản nháp từ bảng số <i>An AI tool drafts text from a table of figures</i>	Kiểm từng con số với bảng, thêm nguyên nhân từ kinh doanh và sản xuất, nêu việc cần làm <i>Check each figure against the table, add causes from sales and production, state the action needed</i>

Việc <i>Task</i>	Máy và phần mềm làm được <i>Machine or software</i>	Người phải làm <i>The person</i>
Soạn thư, tờ trình bằng tiếng Anh <i>Draft letters and proposals in English</i>	AI dịch và chỉnh câu <i>AI translates and polishes sentences</i>	Giữ đúng thuật ngữ, số liệu, số hiệu văn bản; người ký đọc lại toàn bộ <i>Keep terms, figures and document numbers exact; the signatory reads it all</i>
Kiểm cân đối, nhắc hạn <i>Balance checks and reminders</i>	Công thức kiểm tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn; nhắc hạn bằng lịch <i>Formulas check assets equal liabilities plus equity; calendar reminders</i>	Điều tra khi ô kiểm tra báo lệch <i>Investigate when a check cell shows a difference</i>
Đàm phán với ngân hàng, nhà cung cấp, khách hàng <i>Negotiating with banks, suppliers, customers</i>	Không thay được <i>No substitute</i>	Chuẩn bị số, đề xuất điều khoản, thương lượng và nhận trách nhiệm <i>Prepare numbers, propose terms, negotiate and accept accountability</i>
Quyết định vay, phát hành hay đầu tư <i>Deciding to borrow, issue or invest</i>	Chỉ cung cấp phép tính so sánh <i>Provides comparison calculations only</i>	Giám đốc tài chính đề xuất, Hội đồng quản trị quyết định <i>The CFO proposes, the Board decides</i>

CẢNH BÁO / WARNING – Không tải báo cáo tài chính chưa công bố, kế hoạch vay hay bảng lương lên công cụ AI công cộng. Chương 5 nêu cách làm an toàn.

Do not upload unpublished financial statements, borrowing plans or payroll to public AI tools. Chapter 5 sets out safe practice.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Hoài An dán bảng số vào công cụ AI nhờ viết nhận xét chênh lệch rồi gửi nguyên văn cho chị Châu. Bản nháp ghi doanh thu tăng do giá trong khi bảng số cho thấy lượng giảm và cơ cấu tăng; chị Châu phát hiện khi đối chiếu. Mỗi con số trong nhận xét phải khớp một ô trong bảng, và nguyên nhân phải đến từ người phụ trách.

Hoài An pastes a table into an AI tool to write variance commentary and sends the text unchanged to Ms Châu. The draft says revenue rose on price while the table shows volume down and mix up; Ms Châu catches it on cross-checking. Every figure in the commentary must match a cell in the table, and every cause must come from the person responsible.

1.9. Đạo đức nghề: bảo mật và thông tin nội bộ – 1.9. Professional ethics: confidentiality and inside information

Người làm tài chính thấy số trước người khác: kết quả quý chưa công bố, kế hoạch vay, giá chào bán, lương. Luật Chứng khoán đặt ranh giới bằng hai điều khoản. Điều 4 khoản 44 định nghĩa thông tin nội bộ là thông tin liên quan đến công ty đại chúng, tổ chức niêm yết hay quỹ đại chúng chưa được công bố mà nếu công bố có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán của tổ chức đó. Điều 12 khoản 2 cấm sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán cho mình hoặc cho người khác, cấm tiết lộ thông tin đó và cấm tư vấn cho người khác mua, bán dựa trên nó.

Finance people see figures before everyone else: unpublished quarterly results, borrowing plans, offer prices, salaries. The Law on Securities draws the line in two provisions. Article 4, clause 44 defines inside information as unpublished information about a public company, listed entity or public fund which, if published, could significantly affect that entity's securities prices. Article 12, clause 2 prohibits using inside information to buy or sell securities for oneself or others, prohibits disclosing it, and prohibits advising others to trade on it.

Điều 12 khoản 2 không giới hạn ở người nội bộ: ai dùng thông tin nội bộ để giao dịch đều vi phạm. Nhóm người nội bộ theo Điều 4 khoản 45 gồm Giám đốc tài chính và kế toán trưởng, nên hai chức danh này chịu sự giám sát chặt hơn về giao dịch cổ phiếu. Người có chứng chỉ hành nghề vi phạm Điều 12 bị thu hồi chứng chỉ (Điều 97 khoản 3 điểm b).

Article 12, clause 2 is not limited to insiders: anyone who trades on inside information breaches it. The insider group under Article 4, clause 45 includes the Chief Financial Officer and the chief accountant, so those two posts face closer scrutiny of their share dealings. A certificate holder who breaches Article 12 has the certificate revoked (Article 97, clause 3(b)).

Tình huống <i>Situation</i>	Điều cần nhớ <i>What applies</i>	Cách xử lý <i>What to do</i>
Biết trước kết quả kinh doanh chưa công bố của Phúc An hoặc của khách hàng niêm yết <i>You know unpublished results of Phúc An or of a listed customer</i>	Điều 12 khoản 2 cấm dùng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán <i>Article 12, clause 2 bans trading securities on inside information</i>	Không mua, bán, không kể cho người thân; hỏi người phụ trách công bố thông tin trước khi nói ra ngoài <i>Do not trade or tell relatives; ask the disclosure officer before saying anything outside</i>
Bạn bè hỏi Phúc An có sắp phát hành trái phiếu không <i>A friend asks whether Phúc An will issue bonds soon</i>	Tiết lộ thông tin nội bộ cũng bị cấm (Điều 12 khoản 2) <i>Disclosing inside information is also banned (Article 12, clause 2)</i>	Trả lời rằng bạn không bình luận về kế hoạch của công ty <i>Reply that you do not comment on company plans</i>
Sếp muốn đưa số chưa đối chiếu vào báo cáo gửi ra ngoài <i>Your manager wants</i>	Điều 12 khoản 1 cấm công bố thông tin sai lệch, che giấu hoặc bỏ sót thông tin cần thiết gây hiểu nhầm nghiêm trọng	Đề nghị đối chiếu trước; ghi lại đề nghị bằng thư điện tử <i>Ask for reconciliation first; record the request by email</i>

Tình huống <i>Situation</i>	Điều cần nhớ <i>What applies</i>	Cách xử lý <i>What to do</i>
<i>unreconciled numbers in an outbound report</i>	<i>Article 12, clause 1 bans misleading, concealed or omitted information causing serious misunderstanding</i>	
Gửi nhầm tệp lương hoặc kế hoạch vay cho người ngoài phòng <i>Sending a payroll or loan-plan file to the wrong person</i>	Quy chế bảo mật của công ty <i>The company's confidentiality policy</i>	Kiểm lại người nhận trước khi gửi; báo ngay nếu gửi nhầm <i>Check recipients before sending; report at once if misdirected</i>
Được nhờ chỉnh số để khỏi vi phạm cam kết tài chính với ngân hàng <i>Asked to adjust numbers to avoid a covenant breach</i>	Số liệu gửi ngân hàng phải khớp báo cáo kế toán <i>Figures sent to a bank must agree with the accounts</i>	Giữ nguyên số; báo trưởng nhóm và Giám đốc tài chính để tìm cách thương lượng với ngân hàng <i>Do not adjust; tell the team lead and the CFO so a negotiation with the bank can be sought</i>

GHI NHỚ / KEY POINT – Quy tắc đơn giản nhất: số chưa công bố ở lại trong phòng; số gửi ra ngoài phải đã đối chiếu và được Giám đốc tài chính duyệt.

The simplest rule: unpublished figures stay in the department; figures sent outside must be reconciled and approved by the CFO.

1.10. Việc cần làm ngay – 1.10. Action checklist

- Lập bảng so sánh kế toán và tài chính cho một công ty bạn biết, năm tiêu chí, mỗi tiêu chí một câu.
Draw a comparison table of accounting and finance for a company you know: five criteria, one sentence each.
- Mở báo cáo tài chính năm gần nhất của một công ty đại chúng ngành sản xuất, ghi doanh thu, lãi vay, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu vào một bảng Excel.
Open the latest annual financial statements of a public manufacturing company and enter revenue, interest, total assets and equity in an Excel table.
- Chọn một trong bốn mảng việc ở mục 1.2 và viết năm dòng lý do chọn.
Pick one of the four work streams in section 1.2 and write five lines on why.
- Đọc Điều 97 và Điều 98 Luật Chứng khoán, ghi ba loại chứng chỉ và điều kiện cấp.
Read Articles 97 and 98 of the Law on Securities and note the three certificate types and the conditions.
- Lập lịch tài chính 12 tháng cho công ty của bạn: ngày tạm nộp thuế, ngày trả nợ, ngày đóng sổ, hạn họp cổ đông.
Build a 12-month finance calendar for your company: tax payment dates, loan repayment dates, closing dates, shareholder-meeting deadline.
- Liệt kê ba việc bạn hay làm trong Excel, gán mỗi việc cho máy hoặc cho người theo mục 1.8.

List three tasks you often do in Excel and assign each to machine or person following section 1.8.

- **Đọc Điều 12 Luật Chứng khoán và ghi ba hành vi liên quan đến số liệu nội bộ.**
Read Article 12 of the Law on Securities and note three prohibited acts connected with internal figures.
- **Viết năm dòng nội quy bảo mật cho riêng bạn: nơi lưu tệp, ai được nhận số, quy tắc với công cụ AI.**
Write five lines of personal confidentiality rules: where files are kept, who may receive figures, rules for AI tools.

Chương 2. Con đường vào nghề tài chính – Chapter 2. Getting into finance

Sau chương này bạn làm được – What you will be able to do

- Chọn ngành học bổ trợ, chứng chỉ và thực tập hợp với vị trí chuyên viên phân tích tài chính ở doanh nghiệp sản xuất.
Choose supporting studies, qualifications and internships that fit a financial analyst role at a manufacturer.
- Phân biệt chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Luật Chứng khoán với chứng chỉ quốc tế, và quyết định bạn cần loại nào trong ba năm đầu.
Tell the securities practising certificate under the Law on Securities apart from international qualifications, and decide which you need in your first three years.
- Chuẩn bị ba vòng tuyển: hồ sơ, bài kiểm tra Excel, phỏng vấn.
Prepare for the three selection rounds: application, Excel test, interview.
- Lập lộ trình tự học 24 tuần và nộp được bài mô hình 3 báo cáo có dòng kiểm cân đối.
Plan 24 weeks of self-study and hand in a three-statement model with a balance check row.
- Xin thực tập và đặt ra việc cụ thể để được giữ lại.
Apply for an internship and set concrete tasks that get you kept on.

2.1. Ngành học phù hợp – 2.1. Degrees that fit

Phòng tài chính doanh nghiệp tuyển từ nhiều ngành. Họ kiểm nền toán, kế toán và Excel nhiều hơn tên ngành trên bằng. Tài liệu nghề của Bộ Lao động Hoa Kỳ xếp chuyên viên phân tích tài chính và giám đốc tài chính vào nhóm Job Zone Four: phần lớn cần bằng đại học bốn năm, một số thì không, và cần nhiều năm kinh nghiệm trước khi lên cấp quản lý.

Corporate finance departments hire from many degrees. They test your grounding in mathematics, accounting and Excel more than the name of the degree. The US Department of Labor's occupational data places financial analysts and financial managers in Job Zone Four: most require a four-year bachelor's degree, some do not, and considerable work experience is needed before moving into management.

GHI CHÚ / NOTE – Nguồn tham khảo: O*NET OnLine, mã 13-2051.00 (Financial and Investment Analysts) và 11-3031.00 (Financial Managers), U.S. Department of Labor, giấy phép CC BY 4.0; nội dung được tóm lược và diễn giải lại.

*Source: O*NET OnLine, codes 13-2051.00 (Financial and Investment Analysts) and 11-3031.00 (Financial Managers), U.S. Department of Labor, licensed CC BY 4.0; content summarised and adapted.*

Ngành học <i>Degree</i>	Đã có sẵn <i>Already have</i>	Khoảng cần bù <i>Gap to fill</i>	Nên học thêm <i>Add</i>
Tài chính – Ngân hàng <i>Finance and Banking</i>	Giá trị thời gian của tiền, CAPM, định giá <i>Time value of money, CAPM, valuation</i>	Kế toán doanh nghiệp, Excel xây mô hình <i>Corporate accounting, Excel modelling</i>	Đọc BCTC theo TT 99, mô hình 3 báo cáo <i>Statements under Circular 99, three-statement model</i>
Kế toán – Kiểm toán <i>Accounting and Auditing</i>	Đọc BCTC, đối chiếu số, kiểm soát <i>Reading statements, reconciliation, controls</i>	Dự báo, ngân sách, thẩm định dự án, huy động vốn <i>Forecasting, budgeting, project appraisal, fundraising</i>	Tài chính doanh nghiệp, mô hình dự báo <i>Corporate finance, forecasting models</i>
Kinh tế, Kinh tế quốc tế <i>Economics, International Economics</i>	Vĩ mô, lãi suất, tỷ giá <i>Macroeconomics, interest rates, exchange rates</i>	Kế toán và kỹ thuật bảng tính <i>Accounting and spreadsheet technique</i>	Kế toán tài chính, Excel nâng cao <i>Financial accounting, advanced Excel</i>
Quản trị kinh doanh, Logistics <i>Business Administration, Logistics</i>	Hiệu vận hành, bán hàng, chuỗi cung ứng <i>Operations, sales, supply chain</i>	Tính toán tài chính và kế toán <i>Financial calculation and accounting</i>	Kế toán, tài chính doanh nghiệp <i>Accounting, corporate finance</i>
Toán ứng dụng, Thống kê, Khoa học dữ liệu <i>Applied Mathematics, Statistics, Data Science</i>	Xác suất, mô hình, lập trình <i>Probability, modelling, programming</i>	Kế toán và ngôn ngữ doanh nghiệp <i>Accounting and business language</i>	Kế toán tài chính, đọc BCTC <i>Financial accounting, reading statements</i>
Kỹ thuật, công nghệ sản xuất <i>Engineering, production technology</i>	Hiệu quy trình, định mức, chi phí sản xuất <i>Processes, standards, production cost</i>	Kế toán và tài chính <i>Accounting and finance</i>	Kế toán chi phí, thẩm định dự án đầu tư máy móc <i>Cost accounting, capital project appraisal</i>
Công nghệ thông tin <i>Information Technology</i>	Dữ liệu, tự động hóa, truy vấn <i>Data, automation, queries</i>	Kế toán và tài chính <i>Accounting and finance</i>	Tài chính doanh nghiệp, mô hình Excel <i>Corporate finance, Excel modelling</i>
Luật kinh tế <i>Business Law</i>	Hợp đồng, văn bản pháp luật, thủ tục <i>Contracts, legislation, procedure</i>	Con số: kế toán, tài chính, Excel <i>Numbers: accounting, finance, Excel</i>	Kế toán, tài chính doanh nghiệp, Excel <i>Accounting, corporate finance, Excel</i>

Dù học ngành nào, ba môn nền cần có là kế toán tài chính (để đọc Thông tư 99), nguyên lý tài chính doanh nghiệp và Excel. Thiếu một trong ba môn này, bạn sẽ gặp khó ở bài kiểm tra vòng hai.

Whatever your degree, three subjects are essential: financial accounting (to read Circular 99), principles of corporate finance and Excel. Lacking any one of them will hurt you in the second-round test.

Môn nên học theo năm đại học – *What to study in each university year*

Năm học <i>Year</i>	Môn và việc nên làm <i>Subjects and activities</i>	Kết quả cần có cuối năm <i>Outcome by year end</i>
Năm 1–2 <i>Years 1–2</i>	Kinh tế vi mô và vĩ mô, thống kê, Excel cơ bản, nguyên lý kế toán <i>Micro- and macroeconomics, statistics, basic Excel, principles of accounting</i>	Lập được bảng 12 tháng có giả định và biểu đồ <i>A 12-month table with assumptions and a chart</i>
Năm 3 <i>Year 3</i>	Kế toán tài chính, tài chính doanh nghiệp, phân tích BCTC, mô hình Excel <i>Financial accounting, corporate finance, statement analysis, Excel modelling</i>	Đọc được B01, B02, B03 theo TT 99; làm được mô hình ở mục 2.8 <i>Read B01, B02, B03 under Circular 99; build the model in section 2.8</i>
Năm cuối <i>Final year</i>	Thực tập ở phòng tài chính – kế toán, tiếng Anh tài chính, chọn chứng chỉ <i>Internship in a finance and accounting department, financial English, choice of qualification</i>	Hồ sơ có ba sản phẩm và một thư giới thiệu của người hướng dẫn <i>A portfolio with three pieces and a reference from your supervisor</i>
Sau tốt nghiệp, năm đầu <i>First year after graduation</i>	Một mùa ngân sách, một kỳ chốt quý, một chứng chỉ nếu hợp vị trí <i>One budget season, one quarter close, one qualification if it fits the role</i>	Tự lập được gói báo cáo tháng <i>Able to prepare the monthly pack unaided</i>

GHI NHỚ / KEY POINT – Tên ngành mở được cửa vòng hồ sơ; ba môn nền và bài làm cụ thể mở được cửa vòng kiểm tra. Hồ sơ cần cả hai.

The degree title gets you through the application round; the three core subjects and concrete work get you through the test round. Your application needs both.

2.2. Người trái ngành và kế toán chuyển sang tài chính – *2.2. Career changers and accountants moving into finance*

Kế toán có lợi thế lớn nhất khi chuyển sang tài chính: bạn đã đọc và lập sổ sách. Khoảng cách nằm ở chỗ tài chính dùng số để quyết định việc sắp tới, còn kế toán ghi lại việc đã xảy ra. Bảng sau ghép việc kế toán đang làm với việc tương ứng ở tài chính.

Accountants start with the biggest advantage: you already read and prepare the books. The gap is that finance uses numbers to decide what happens next, while accounting records what has already happened. The table pairs what accountants do now with the matching finance task.

Việc ở kế toán <i>In accounting</i>	Việc tương ứng ở tài chính <i>Matching finance task</i>	Khoảng cần bù <i>Gap</i>
Ghi nhận doanh thu và giá vốn <i>Recording revenue and cost of sales</i>	Phân tích biên lợi nhuận, chênh lệch giá – lượng – cơ cấu <i>Margin analysis, price, volume and mix variance</i>	Giải thích nguyên nhân bằng số cho người không làm kế toán <i>Explaining causes with numbers to non-accountants</i>
Lập B01, B02, B03 <i>Preparing B01, B02, B03</i>	Dựng mô hình 3 báo cáo và dự báo <i>Building and forecasting a three-statement model</i>	Giả định, dự báo, kịch bản <i>Assumptions, forecasts, scenarios</i>
Theo dõi công nợ phải thu, phải trả <i>Tracking receivables and payables</i>	Dự báo dòng tiền 13 tuần, chính sách tín dụng <i>13-week cash forecast, credit policy</i>	Dự đoán thời điểm thu – chi, thay vì chỉ ghi nhận <i>Forecasting timing of receipts and payments instead of only recording</i>
Tính khấu hao tài sản cố định <i>Calculating depreciation</i>	Thẩm định dự án: dòng tiền tự do, NPV, IRR <i>Project appraisal: free cash flow, NPV, IRR</i>	Tách khấu hao (không phải tiền) khỏi dòng tiền <i>Separating depreciation (a non-cash item) from cash flow</i>
Kê khai và tạm nộp thuế TNDN <i>Filing and paying provisional corporate income tax</i>	Đưa thuế vào dự báo dòng tiền theo đúng kỳ nộp <i>Placing tax in the cash forecast on the actual payment dates</i>	Nhìn thuế như một khoản chi tiền có lịch <i>Seeing tax as a scheduled cash payment</i>
Đối chiếu số dư ngân hàng <i>Bank reconciliation</i>	Theo dõi hạn mức, lịch trả nợ, cam kết tài chính <i>Monitoring credit lines, repayment schedules, covenants</i>	Đọc hợp đồng tín dụng, tính nợ vay trên EBITDA <i>Reading credit agreements, computing debt to EBITDA</i>

Người trái ngành (kỹ thuật, công nghệ thông tin, luật) đi theo ba bước: học đủ kế toán để đọc Thông tư 99 trong tám tuần đầu của lộ trình ở mục 2.7; dựng mô hình Excel; rồi nộp một sản phẩm thật như mô hình ở mục 2.8. Nếu đang làm ở doanh nghiệp, hãy xin làm một việc của nhóm kế hoạch (ví dụ gói báo cáo tháng) trước khi xin chuyển hẳn.

Career changers (from engineering, IT or law) take three steps: learn enough accounting to read Circular 99 in the first eight weeks of the plan in section 2.7; build Excel models; then hand in a real piece such as the model in section 2.8. If you already work for a company, ask to take one task from the planning team (for example the monthly pack) before asking for a full transfer.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Kế toán chuyển sang tài chính vẫn trình bày như sổ sách: liệt kê số theo tài khoản và dừng ở đó. Ban Giám đốc cần một câu kết luận kèm số: biên gộp giảm bao nhiêu điểm phần trăm, vì sao, cần làm gì. Cách sửa: mỗi bảng đi kèm một câu bắt đầu bằng động từ quyết định.

An accountant who moves into finance still presents like a ledger: numbers listed by account, and nothing more. Management needs a conclusion with numbers: how many percentage points the gross

margin fell, why, and what to do. The fix is to attach to each table one sentence that starts with a decision verb.

Ba giai đoạn sáu tháng cho người chuyển ngành – *Three stages over six months for a career changer*

Giai đoạn <i>Stage</i>	Việc làm <i>What to do</i>	Sản phẩm <i>Output</i>
Tháng 1–2 <i>Months 1–2</i>	Học kế toán đủ đọc B01, B02, B03; làm quen mã số theo TT 99 <i>Learn enough accounting to read B01, B02 and B03; get used to the Circular 99 codes</i>	Bảng B01 rút gọn kiểm mã 280 bằng mã 440 <i>A short B01 with code 280 checked against code 440</i>
Tháng 3–4 <i>Months 3–4</i>	Dựng mô hình Excel 3 báo cáo; học NPV, IRR, PMT <i>Build the three-statement Excel model; learn NPV, IRR, PMT</i>	Mô hình có dòng kiểm cân đối <i>A model with a balance check row</i>
Tháng 5–6 <i>Months 5–6</i>	Xin làm một việc của nhóm kế hoạch hoặc thực tập; nộp đơn <i>Ask to take one planning task or an internship; apply</i>	Ba sản phẩm và năm đơn đã gửi <i>Three pieces and five applications sent</i>

2.3. Tuyển chuyên viên phân tích tài chính: các vòng – *2.3. Hiring a financial analyst: the rounds*

Vòng <i>Round</i>	Hình thức <i>Format</i>	Người tuyển nhìn gì <i>What they look for</i>	Bạn chuẩn bị <i>How to prepare</i>
1. Hồ sơ <i>1. Application</i>	CV một trang, thư xin việc, bảng điểm <i>One-page CV, cover letter, transcript</i>	Ngành học, sản phẩm đã làm, số trong mô tả việc làm <i>Degree, finished work, numbers in your job descriptions</i>	CV có ba sản phẩm ở mục 2.6; mỗi dòng việc có một con số <i>CV with the three pieces from section 2.6; each line carries a number</i>
2. Bài kiểm tra Excel – mô hình <i>2. Excel and modelling test</i>	Làm tại chỗ hoặc mang về làm; cho dữ liệu thô và đề bài <i>On site or take-home; raw data and a brief</i>	Tách giả định, công thức nhất quán, có kiểm tra, kết luận bằng số <i>Separated assumptions, consistent formulas, checks, a numerical conclusion</i>	Làm lại mô hình ở mục 2.8 trong thời gian giới hạn <i>Rebuild the section 2.8 model under a time limit</i>
3. Phỏng vấn chuyên môn <i>3. Technical interview</i>	Trưởng nhóm FP&A hỏi về ba báo cáo, vốn lưu động, thẩm định <i>FP&A lead asks about the three statements, working capital, appraisal</i>	Hiểu bản chất, giải thích bằng ví dụ có số <i>Understanding of substance, explanation with a numerical example</i>	Ôn câu hỏi ở chương 10; tự giải thích bằng lời không nhìn giấy <i>Review the chapter 10 questions; explain aloud without notes</i>

Vòng <i>Round</i>	Hình thức <i>Format</i>	Người tuyển nhìn gì <i>What they look for</i>	Bạn chuẩn bị <i>How to prepare</i>
4. Phỏng vấn với giám đốc tài chính hoặc nhân sự <i>4. Interview with the finance director or HR</i>	Trò chuyện về động lực, lương, thời gian bắt đầu <i>Conversation on motivation, pay, start date</i>	Tính cẩn thận, giữ bí mật, khả năng làm việc với phòng ban khác <i>Care, confidentiality, ability to work with other departments</i>	Chuẩn bị ví dụ một lần bạn phát hiện và sửa lỗi số <i>Prepare an example of finding and fixing a numerical error</i>
5. Thử việc <i>5. Probation</i>	Làm việc thật theo hợp đồng <i>Real work under a contract</i>	Đúng hạn, tự kiểm, hỏi đúng lúc <i>Timeliness, self-checking, asking at the right moment</i>	Kế hoạch 90 ngày ở chương 8 <i>The 90-day plan in chapter 8</i>

Đọc tin tuyển dụng – Reading a job advertisement

Cụm trong tin <i>Phrase in the advertisement</i>	Thường có nghĩa <i>Usually means</i>	Bạn cần có <i>What you need</i>
Lập ngân sách, dự báo <i>Budgeting, forecasting</i>	Làm FP&A: nhận giả định từ kinh doanh, dựng bảng 12 tháng <i>FP&A work: take assumptions from sales, build a 12-month sheet</i>	Mô hình Excel, mục 2.8 <i>Excel model, section 2.8</i>
Quản lý dòng tiền, ngân hàng <i>Cash and bank management</i>	Ngân quỹ: dòng tiền 13 tuần, hạn mức, lịch trả nợ <i>Treasury: 13-week cash flow, credit lines, repayment schedule</i>	Bảng dòng tiền tuần 19–20 của lộ trình <i>The cash flow pieces from weeks 19–20</i>
Thẩm định dự án đầu tư <i>Investment appraisal</i>	Dòng tiền dự án, NPV, IRR, độ nhạy <i>Project cash flow, NPV, IRR, sensitivity</i>	Bài tuần 11–12 của lộ trình <i>The week 11–12 pieces</i>
Chứng chỉ hành nghề chứng khoán <i>Securities practising certificate</i>	Tuyển cho công ty chứng khoán hoặc quản lý quỹ (mục 2.4) <i>Hiring for a securities or fund management company (section 2.4)</i>	Đủ điều kiện Điều 97 khoản 2 và thi sát hạch <i>The Article 97(2) conditions and the qualifying examination</i>
Thành thạo Excel, PowerPoint <i>Advanced Excel, PowerPoint</i>	Sẽ có bài kiểm tra Excel và có thể có phần trình bày <i>An Excel test is coming, maybe a presentation too</i>	Ba sản phẩm ở mục 2.6 <i>The three pieces in section 2.6</i>
Tiếng Anh giao tiếp, đọc báo cáo <i>English communication and report reading</i>	Có báo cáo cho công ty mẹ hoặc ngân hàng nước ngoài <i>Reports go to a parent company or foreign lender</i>	Email 5 câu và sổ 30 thuật ngữ <i>A five-sentence email and a 30-term glossary</i>

CẢNH BÁO / WARNING – Thông tin tuyển dụng và mức thu nhập khác nhau theo từng nơi; sách không đưa mức lương thị trường. Cách tự tra và cách tính lương gross sang thực lĩnh nằm ở chương 9.

Hiring practice and pay differ from place to place; this book gives no market salary figures. How to research pay and convert gross to net is in chapter 9.

VÍ DỤ / EXAMPLE – Bài kiểm tra Excel mẫu mà chị Đỗ Minh Châu dùng cho vòng 2 đưa B01, B02 năm 2026 của Phúc An. Yêu cầu: tính biên lợi nhuận gộp, tỷ lệ EBITDA trên doanh thu và chu kỳ chuyển đổi tiền mặt. Đáp số: biên gộp = $154.000 \div 820.000 = 18,78\%$; EBITDA ÷ doanh thu = $76.900 \div 820.000 = 9,38\%$; chu kỳ = $58,8 + 59,2 - 40,6 = 77,4$ ngày. Người chấm xem thêm: giả định ở ô riêng, đơn vị triệu đồng ghi rõ, dòng kiểm tra.

The sample Excel test that Đỗ Minh Châu uses in round 2 supplies Phúc An's 2026 B01 and B02. The task: compute gross margin, EBITDA as a share of revenue and the cash conversion cycle. Answers: gross margin = $154,000 \div 820,000 = 18.78\%$; EBITDA ÷ revenue = $76,900 \div 820,000 = 9.38\%$; cycle = $58.8 + 59.2 - 40.6 = 77.4$ days. The marker also checks that assumptions sit in their own cells, that the unit (VND million) is stated, and that a check row exists.

Biên gộp	=	LoiNhuangGop / DoanhThuThuan
Tỷ lệ EBITDA	=	EBITDA / DoanhThuThuan
Chu kỳ tiền mặt	=	DSO + DIO - DPO

Danh sách tự kiểm trước khi nộp bài Excel – *Self-check list before you hand in an Excel test*

- Mọi giả định nằm trong ô có nhãn và đơn vị; không có số gõ cứng trong công thức.
Every assumption sits in a labelled cell with a unit; no numbers typed inside formulas.
- Công thức giống nhau trên cả hàng; bật Show Formulas trên thẻ Formulas để soát.
Formulas are consistent across each row; switch on Show Formulas on the Formulas tab to review.
- Có dòng kiểm tra tổng và cân đối; đổi một giả định rồi xem các dòng kiểm tra còn bằng 0 không.
There is a totals and balance check row; change one assumption and see whether the checks still equal 0.
- Trang kết quả ghi kết luận bằng một câu có số, kèm một rủi ro.
The results sheet states a conclusion in one sentence with numbers, plus one risk.
- Tên tệp có ngày và phiên bản; không còn ô báo lỗi #REF! hay #NAME?.
The file name carries a date and version; no #REF! or #NAME? cells remain.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Nộp bài Excel đúng đáp số nhưng gõ cứng số ngay trong công thức (ví dụ =132000/820000*365) và không ghi đơn vị. Người chấm không đổi được giả định để thử, nên coi như chưa biết dựng mô hình. Cách sửa: đưa 132.000, 820.000 và 365 vào ba ô có nhãn, công thức chỉ tham chiếu ô.

*Handing in an Excel test with the right answer but with numbers typed into the formula (for example =132000/820000*365) and no unit. The marker cannot change an assumption to test it, and treats you as not yet able to build a model. The fix: put 132,000, 820,000 and 365 in three labelled cells and make the formula refer to them.*

2.4. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán Việt Nam – 2.4. Vietnam's securities practising certificate

Luật Chứng khoán (văn bản hợp nhất 102/2026) Điều 97 khoản 1 chia chứng chỉ hành nghề chứng khoán thành ba loại: môi giới chứng khoán, phân tích tài chính, quản lý quỹ. Điều 98 khoản 1 quy định người được cấp chứng chỉ chỉ được hành nghề với tư cách đại diện cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, hoặc công ty đầu tư chứng khoán. Vì vậy chuyên viên tài chính của Phúc An không cần chứng chỉ này để làm việc; bạn cần nó khi chuyển sang các tổ chức vừa nêu.

Article 97(1) of the Law on Securities (consolidated text 102/2026) divides the securities practising certificate into three types: securities brokerage, financial analysis and fund management. Article 98(1) provides that a certificate holder may practise only as a representative of a securities company, a securities investment fund management company, a branch of a foreign securities or fund management company in Vietnam, or a securities investment company. A finance analyst at Phúc An therefore does not need the certificate to do the job; you need it when you move to one of those organisations.

Điều kiện chung của cá nhân (Điều 97 khoản 2): có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán; trình độ đại học trở lên; có trình độ chuyên môn về chứng khoán; đạt kỳ thi sát hạch phù hợp với loại chứng chỉ đề nghị cấp. Nghị định 155/2020/NĐ-CP Điều 213, sửa bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP, cộng dồn điều kiện theo từng loại như bảng sau.

General conditions for an individual (Article 97(2)): full civil legal capacity and not being prosecuted or banned from securities practice; a university degree or higher; professional knowledge of securities; and a pass in the qualifying examination for the type of certificate sought. Article 213 of Decree 155/2020/ND-CP, as amended by Decree 245/2025/ND-CP, stacks the conditions by type as the table shows.

Loại chứng chỉ Type	Điều kiện thêm theo Điều 213 ND 155/2020 Additional conditions, Article 213 of Decree 155/2020	Dùng khi Used for
Môi giới chứng khoán <i>Securities brokerage</i>	Điều kiện Điều 97 khoản 2 Luật Chứng khoán, cộng các chứng chỉ chuyên môn: những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; phân tích và đầu tư chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, hoặc chứng chỉ tương đương (khoản 1) <i>The Article 97(2) conditions plus the professional certificates: basics of securities and the securities market; securities law and the securities market; securities analysis and investment; brokerage and investment advice, or equivalent (clause 1)</i>	Môi giới, tư vấn đầu tư tại công ty chứng khoán <i>Brokerage and investment advice at a securities company</i>
Phân tích tài chính <i>Financial</i>	Điều kiện của loại môi giới, cộng chứng chỉ tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán, chứng chỉ phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, hoặc chứng	Phân tích đầu tư, tư vấn phát hành tại công ty chứng khoán

Loại chứng chỉ <i>Type</i>	Điều kiện thêm theo Điều 213 ND 155/2020 <i>Additional conditions, Article 213 of Decree 155/2020</i>	Dùng khi <i>Used for</i>
<i>analysis</i>	chỉ tương đương (khoản 2) <i>The brokerage conditions plus a certificate in financial advisory and securities underwriting, a certificate in corporate financial statement analysis, or equivalent (clause 2)</i>	<i>Investment research and issue advisory at a securities company</i>
Quản lý quỹ <i>Fund management</i>	Điều kiện của loại phân tích tài chính, cộng chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản hoặc tương đương, và ít nhất 03 năm kinh nghiệm ở bộ phận kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán của doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán, hoặc có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài (khoản 3, sửa bởi ND 245/2025) <i>The financial analysis conditions plus a professional certificate in fund and asset management or equivalent, and at least 3 years' experience in business, investment, finance or accounting units of organisations in finance, banking, insurance, securities or audit, or a lawful foreign securities practising certificate (clause 3, amended by Decree 245/2025)</i>	Quản lý danh mục tại công ty quản lý quỹ <i>Portfolio management at a fund management company</i>

Trình tự và thời hạn – *Procedure and time limits*

Bước <i>Step</i>	Quy định <i>Rule</i>	Căn cứ <i>Basis</i>
1	Nộp hồ sơ: giấy đề nghị mẫu số 85; thông tin cá nhân mẫu số 67 và phiếu lý lịch tư pháp trong vòng 06 tháng; bằng đại học trở lên; chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ hành nghề nước ngoài; hai ảnh 4 cm × 6 cm chụp trong vòng 06 tháng; riêng quản lý quỹ thêm xác nhận số năm và vị trí công tác <i>File: request form (form 85); personal information (form 67) and judicial record within 6 months; degree; professional certificates or a foreign practising certificate; two 4 cm × 6 cm photographs taken within 6 months; fund management adds confirmation of years and positions held</i>	ND 155/2020 Điều 213 khoản 4
2	Hồ sơ đồng thời là hồ sơ đăng ký thi sát hạch; phiếu lý lịch tư pháp có thể nộp trong 20 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi; hồ sơ không được hoàn lại <i>The file doubles as the examination registration; the judicial record may be submitted within 20 days of the results announcement; the file is not returned</i>	ND 245/2025, sửa Điều 213 khoản 5

Bước Step	Quy định Rule	Căn cứ Basis
3	Thi sát hạch hai phần: pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Việt Nam; chuyên môn. Kết quả công bố trong vòng 15 ngày sau kỳ thi <i>Two-part examination: securities law and the Vietnamese securities market; professional knowledge. Results announced within 15 days of the exam</i>	NĐ 245/2025, bổ sung Điều 213 khoản 5a
4	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp và thông báo nộp lệ phí trong 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Lệ phí do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định <i>The State Securities Commission decides on issue and notifies the fee within 30 days of the results announcement. The fee is set by the Minister of Finance</i>	NĐ 245/2025, sửa Điều 213 khoản 6, 8
5	Thi chưa đạt một phần: thi lại phần chưa đạt trong 01 năm; quá hạn phải thi lại cả hai phần <i>Partial fail: retake the failed part within 1 year; after that, retake both parts</i>	NĐ 245/2025, Điều 213 khoản 6 điểm c
6	Thu hồi khi không còn đủ điều kiện, vi phạm Điều 12 hoặc Điều 98 khoản 2, hoặc không hành nghề 03 năm liên tục; vi phạm Điều 12 hoặc Điều 98 khoản 2 thì không được cấp lại <i>Revoked when conditions are no longer met, on breach of Article 12 or Article 98(2), or after 3 consecutive years without practising; a breach of Article 12 or 98(2) bars reissue</i>	Luật CK Điều 97 khoản 3, 4

GHI NHỚ / KEY POINT – Chứng chỉ hành nghề chứng khoán gắn với công việc ở công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ. Làm tài chính doanh nghiệp ở nhà máy không bắt buộc có. Nếu định chuyển sang quản lý quỹ, bắt đầu tích lũy 03 năm kinh nghiệm tài chính, đầu tư hoặc kế toán ngay từ vị trí hiện tại.

The practising certificate belongs to jobs at securities companies and fund management companies. Corporate finance at a plant does not require it. If you plan to move into fund management, start accumulating the 3 years of finance, investment or accounting experience in your current role.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Học và thi chứng chỉ hành nghề chứng khoán vì tưởng đó là chứng chỉ bắt buộc của mọi người làm phân tích tài chính. Hậu quả: mất vài tháng cho kiến thức về thị trường chứng khoán trong khi vị trí ở doanh nghiệp cần mô hình ngân sách và dòng tiền. Cách tránh: đọc tin tuyển dụng, tìm cụm "chứng chỉ hành nghề chứng khoán" và hỏi nơi tuyển đó có phải công ty chứng khoán hay công ty quản lý quỹ không.

Studying for the securities practising certificate in the belief that every financial analyst must hold it. The result is months spent on securities-market content while a corporate role needs budget and cash-flow models. To avoid it, read the job advertisement for the phrase "securities practising certificate" and ask whether the employer is a securities company or a fund management company.

2.5. Chứng chỉ quốc tế: CFA, ACCA, CMA, FRM – 2.5. International qualifications: CFA, ACCA, CMA, FRM

Bốn chứng chỉ trong bảng do bốn tổ chức nghề nghiệp nước ngoài cấp, không thay thế chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong nước. Sách chỉ nêu tên, tổ chức cấp và vị trí hợp với từng chứng chỉ; điều kiện đăng ký, lệ phí và lịch thi lấy trên trang của tổ chức cấp ở thời điểm bạn đăng ký.

The four qualifications in the table are awarded by foreign professional bodies and do not replace the domestic securities practising certificate. This book gives only the name, the awarding body and the roles each suits; take registration conditions, fees and exam dates from the awarding body's own website when you register.

Chứng chỉ Qualification	Tổ chức cấp Awarded by	Hợp với vị trí Suits	Khi nào nên học When to study	Ít hợp khi Less useful when
CFA	CFA Institute	Phân tích đầu tư, quản lý danh mục, nghiên cứu cổ phiếu, định giá doanh nghiệp <i>Investment analysis, portfolio management, equity research, company valuation</i>	Khi hướng tới công ty chứng khoán, quỹ, hoặc cần định giá và thị trường vốn trong tài chính doanh nghiệp <i>When aiming for securities firms or funds, or when valuation and capital markets matter in corporate finance</i>	Công việc chính là ngân sách và dòng tiền của một nhà máy <i>The job is mainly a plant's budget and cash flow</i>
ACCA	Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc <i>Association of Chartered Certified Accountants</i>	Tài chính – kế toán doanh nghiệp, kiểm soát tài chính, đường tới kế toán trưởng hoặc giám đốc tài chính <i>Corporate finance and accounting, financial control, path to chief accountant or finance director</i>	Từ năm cuối đại học đến vài năm đầu đi làm; hợp kế toán muốn sang tài chính <i>From the final university year to the first years at work; suits accountants moving into finance</i>	Định hướng chuyên sâu vào đầu tư chứng khoán <i>You aim at securities investment</i>
CMA	Viện Kế toán Quản trị (Hoa Kỳ) <i>Institute of Management Accountants (US)</i>	Kế toán quản trị, FP&A, kiểm soát chi phí, ngân sách <i>Management accounting, FP&A, cost control, budgeting</i>	Sau khi đã làm một mùa ngân sách và hiểu quy trình lập kế hoạch <i>After one budget season, once you understand the planning process</i>	Cần chứng chỉ gắn với thị trường chứng khoán <i>You need a credential tied to securities markets</i>
FRM	Hiệp hội Chuyên gia	Quản trị rủi ro thị trường, tín dụng, thanh	Khi đã có nền thống kê và muốn làm quản trị	Mới vào nghề và chưa đọc được

Chứng chỉ <i>Qualification</i>	Tổ chức cấp <i>Awarded by</i>	Hợp với vị trí <i>Suits</i>	Khi nào nên học <i>When to study</i>	Ít hợp khi <i>Less useful when</i>
	Quản trị Rủi ro Toàn cầu <i>Global Association of Risk Professionals</i>	khoản ở ngân hàng, quỹ, hoặc doanh nghiệp lớn có phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất <i>Market, credit and liquidity risk at banks, funds, or large firms hedging currency and interest rates</i>	rủi ro <i>Once you have a statistics base and want risk management</i>	BCTC <i>Just starting and not yet able to read statements</i>

Cách chọn: viết vị trí bạn muốn giữ ba năm tới, rồi chọn chứng chỉ có nội dung trùng với việc hằng ngày của vị trí đó. Mỗi lần chỉ học một chứng chỉ; một chứng chỉ hoàn thành kèm một mô hình có thật có giá trị hơn hai chứng chỉ bỏ dở. Hỏi phòng nhân sự xem công ty có hỗ trợ học phí hoặc thời gian không trước khi đăng ký.

How to choose: write down the role you want in three years, then pick the qualification whose syllabus overlaps with that role's daily work. Study one at a time; two abandoned qualifications are worth less than one completed alongside a real model. Ask HR whether the company supports fees or study time before you register.

VÍ DỤ / EXAMPLE – Trưởng nhóm FP&A Đỗ Minh Châu của Phúc An chọn học CMA vì việc hằng ngày của chị là ngân sách 2027 và phân tích chênh lệch quý. Chuyên viên ngân quỹ Vũ Hải Đăng cân nhắc FRM vì hằng ngày theo dõi khoản phải trả 600.000 USD đáo hạn 13/01/2027 và hợp đồng kỳ hạn. Cả hai ghi lý do bằng một câu gắn với việc đang làm trước khi nộp đơn xin hỗ trợ học phí.

Đỗ Minh Châu, FP&A lead at Phúc An, chooses CMA because her daily work is the 2027 budget and the quarterly variance analysis. Vũ Hải Đăng, the treasury analyst, considers FRM because he tracks the USD 600,000 payable due on 13 January 2027 and the forward contract. Each writes the reason in one sentence tied to current work before applying for fee support.

2.6. Kỹ năng người tuyển nhìn trước tiên – 2.6. Skills employers check first

Sáu nhóm kỹ năng quyết định một hồ sơ tài chính được gọi phỏng vấn hay không. Mỗi nhóm có mức tối thiểu cho ngày đầu đi làm và một sản phẩm nhỏ bạn đưa vào hồ sơ.

Six groups of skills decide whether a finance application gets an interview. Each has a minimum level for day one and a small piece of work you can put in your portfolio.

Kỹ năng <i>Skill</i>	Mức tối thiểu ngày đầu <i>Day-one minimum</i>	Cách luyện <i>How to practise</i>	Sản phẩm cho hồ sơ <i>Portfolio piece</i>
Đọc BCTC theo TT 99 <i>Reading</i>	Gọi đúng tên ba báo cáo; tìm được mã 280, 440, 60, 20; giải thích vì sao tiền	Đọc một bộ BCTC năm, chép lại bảng rút gọn, kiểm 280 = 440	Bảng rút gọn một trang kèm 5 nhận xét <i>A one-page summary</i>

Kỹ năng <i>Skill</i>	Mức tối thiểu ngày đầu <i>Day-one minimum</i>	Cách luyện <i>How to practise</i>	Sản phẩm cho hồ sơ <i>Portfolio piece</i>
<i>statements under Circular 99</i>	trên B01 khớp B03 <i>Name the three statements correctly; find codes 280, 440, 60 and 20; explain why cash on B01 agrees with B03</i>	<i>Read one annual set, copy a short table, check 280 = 440</i>	<i>with five comments</i>
Excel mô hình tài chính <i>Excel for financial models</i>	Tách giả định khỏi công thức; dùng SUMIFS, XLOOKUP hoặc INDEX–MATCH, NPV, IRR, PMT; có ô kiểm tra <i>Separate assumptions from formulas; use SUMIFS, XLOOKUP or INDEX–MATCH, NPV, IRR, PMT; include check cells</i>	Dựng lại mỗi tuần một bảng từ đầu, không sao chép công thức cũ <i>Rebuild one sheet from scratch each week without copying old formulas</i>	Mô hình 3 báo cáo ở mục 2.8 <i>The three-statement model in section 2.8</i>
PowerPoint trình bày số <i>PowerPoint for numbers</i>	Mỗi slide một thông điệp; tiêu đề là kết luận; có nguồn và đơn vị <i>One message per slide; the title states the conclusion; source and unit shown</i>	Chuyển một bảng 12 tháng thành 3 slide cho Ban Giám đốc <i>Turn a 12-month table into three slides for management</i>	Bộ 5 slide về một tình huống chênh lệch ngân sách <i>A five-slide deck on a budget variance</i>
Tiếng Anh tài chính <i>Financial English</i>	Đọc được tiêu đề và chú thích của một BCTC tiếng Anh; viết email 5 câu về số liệu <i>Read the headings and notes of an English-language set of statements; write a five-sentence email on figures</i>	Lập sổ 30 thuật ngữ; đọc mỗi tuần một bản tin tài chính <i>Keep a 30-term glossary; read one financial news item a week</i>	Email tóm tắt chênh lệch ngân sách bằng tiếng Anh <i>An English email summarising a budget variance</i>
Viết tờ trình <i>Writing a proposal paper</i>	Một trang: vấn đề, phương án, so sánh số, đề xuất, rủi ro, việc cần phê duyệt <i>One page: problem, options, numerical comparison, recommendation, risks, decision requested</i>	Viết lại một quyết định mua sắm quen thuộc thành tờ trình <i>Rewrite a familiar purchase decision as a paper</i>	Tờ trình một trang về chọn nguồn vốn <i>A one-page paper on choosing a funding source</i>
Hiểu kinh doanh của doanh nghiệp <i>Understanding the business</i>	Kể được sản phẩm, khách hàng, nguyên liệu chính, mùa vụ, chi phí lớn nhất <i>Describe the products, customers, main inputs, seasonality and largest costs</i>	Đi xưởng, đọc bảng giá, hỏi phòng kinh doanh và mua hàng <i>Visit the plant, read price lists, ask sales and purchasing</i>	Một trang mô tả chuỗi giá trị của một sản phẩm <i>A one-page value chain of one product</i>

Hiểu kinh doanh của Phúc An nghĩa là biết doanh thu có mùa vụ: ngân sách 2027 đặt doanh thu tháng 2 ở 58.368 triệu đồng và tháng 10 ở 89.800 triệu đồng. Người làm kế hoạch dòng tiền mà không biết điều này sẽ đặt hạn mức vay sai tháng.

Understanding Phúc An's business means knowing that revenue is seasonal: the 2027 budget puts February revenue at VND 58,368 million and October revenue at VND 89,800 million. An analyst who plans cash flow without knowing this will put the credit line in the wrong month.

Hàm Excel phải dùng thành thạo – Excel functions you must be fluent in

Hàm <i>Function</i>	Dùng để <i>Used for</i>	Ví dụ ở Phúc An <i>Example at Phúc An</i>
SUMIFS	Cộng theo nhiều điều kiện <i>Sum with several conditions</i>	Doanh thu carton sóng của quý 1 từ danh sách giao dịch <i>Corrugated carton revenue for Q1 from the transaction list</i>
XLOOKUP, INDEX–MATCH	Tra giá trị theo mã <i>Look up a value by key</i>	Lấy đơn giá bán theo mã sản phẩm; INDEX–MATCH chạy trên mọi phiên bản Excel <i>Fetch the selling price by product code; INDEX–MATCH works on every Excel version</i>
EOMONTH	Ngày cuối tháng <i>Month-end date</i>	Lịch trả nợ cuối quý, cột tháng của bảng tuổi nợ <i>Quarter-end repayment dates, month column of the ageing table</i>
NPV, XNPV, IRR, XIRR	Giá trị hiện tại thuần và tỷ suất hoàn vốn nội bộ <i>Net present value and internal rate of return</i>	Dự án dây chuyền với dòng tiền tự do 8 năm <i>The line project with eight years of free cash flow</i>
PMT, IPMT, PPMT, RATE	Tiền trả định kỳ, phần lãi, phần gốc, lãi suất <i>Periodic payment, interest part, principal part, rate</i>	Lịch trả vay trung hạn <i>Medium-term loan schedule</i>
IFERROR, SUMPRODUCT	Bẫy lỗi; nhân rồi cộng hai dải <i>Trap errors; multiply two ranges and add</i>	Doanh thu bằng sản lượng nhân đơn giá trên ba dòng sản phẩm <i>Revenue as volume times price across three product lines</i>
Data Table, Goal Seek, Scenario Manager	Độ nhạy, tìm giá trị đưa NPV về 0, lưu kịch bản <i>Sensitivity, solving for NPV = 0, saving scenarios</i>	Độ nhạy NPV theo giá bán và chi phí <i>NPV sensitivity to selling price and cost</i>

```
=SUMIFS(DoanhThu, DongSP, "Carton sóng", Quy, 1)
=XLOOKUP(MaSP, BangGia[Ma], BangGia[DonGia])
=EOMONTH(NgayDauQuy, 2)
=NPV(SuatChietKhau, DongTienNam1:DongTienNam8) + DongTienNam0
```

CẢNH BÁO / WARNING – XLOOKUP có ở Microsoft 365 và Excel 2021, 2024. Excel 2019 trở về trước báo #NAME?; máy dùng Excel 2019 thì viết INDEX–MATCH.
XLOOKUP is available in Microsoft 365 and in Excel 2021 and 2024. Excel 2019 and earlier return #NAME?; on those machines use INDEX–MATCH.

MẸO / TIP – Tên chỉ tiêu BCTC theo Thông tư 99/2025/TT-BTC: B01 là Báo cáo tình hình tài chính, B02 là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, B03 là Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Hồ sơ viết "Bảng cân đối kế toán" cho thấy người viết chưa đọc chế độ kế toán hiện hành.
Under Circular 99/2025/TT-BTC, B01 is the Statement of Financial Position, B02 the Statement of Business Performance and B03 the Statement of Cash Flows. A CV that says "balance sheet form" shows the author has not read the current accounting regime.

Mười hai thuật ngữ đọc BCTC tiếng Anh – *Twelve terms for reading English-language statements*

Tiếng Việt <i>Vietnamese</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Nằm ở <i>Where it appears</i>
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	Revenue	B02, mã 10 <i>B02, code 10</i>
Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	Cost of sales	B02
Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	Gross profit	B02, mã 20 <i>B02, code 20</i>
Chi phí lãi vay <i>Interest expense</i>	Finance costs	B02
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	Profit for the year	B02, mã 60 <i>B02, code 60</i>
Phải thu khách hàng <i>Trade receivables</i>	Trade receivables	B01, mã 131 <i>B01, code 131</i>
Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	Inventories	B01, mã 141 <i>B01, code 141</i>
Tổng tài sản <i>Total assets</i>	Total assets	B01, mã 280 <i>B01, code 280</i>
Vốn chủ sở hữu <i>Owners' equity</i>	Equity	B01
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Net cash from operating activities</i>	Net cash from operating activities	B03, mã 20 <i>B03, code 20</i>
Khấu hao <i>Depreciation</i>	Depreciation and amortisation	B03

Tiếng Việt <i>Vietnamese</i>	Tiếng Anh <i>English</i>	Nằm ở <i>Where it appears</i>
Vốn lưu động <i>Working capital</i>	Working capital	Tính từ B01 <i>Derived from B01</i>

Sáu bước viết tờ trình một trang – *Six steps to a one-page proposal paper*

1. Câu đầu nêu việc cần phê duyệt và số tiền hoặc thời hạn.
The first sentence states the decision requested and the amount or deadline.
2. Vấn đề: một đoạn ngắn với hai con số cho thấy vì sao cần quyết định ngay.
Problem: one short paragraph with two figures showing why a decision is needed now.
3. Phương án: ba phương án nhiều nhất, mỗi phương án cùng bộ chỉ tiêu (chi phí, dòng tiền, rủi ro).
Options: at most three, each with the same indicators (cost, cash flow, risk).
4. Bảng so sánh một bảng, đơn vị ghi ở tiêu đề.
One comparison table, unit stated in the heading.
5. Đề xuất: chọn một phương án và nêu điều kiện kèm theo.
Recommendation: choose one option and state the conditions.
6. Rủi ro và cách theo dõi: hai đến ba dòng.
Risks and how they will be monitored: two or three lines.

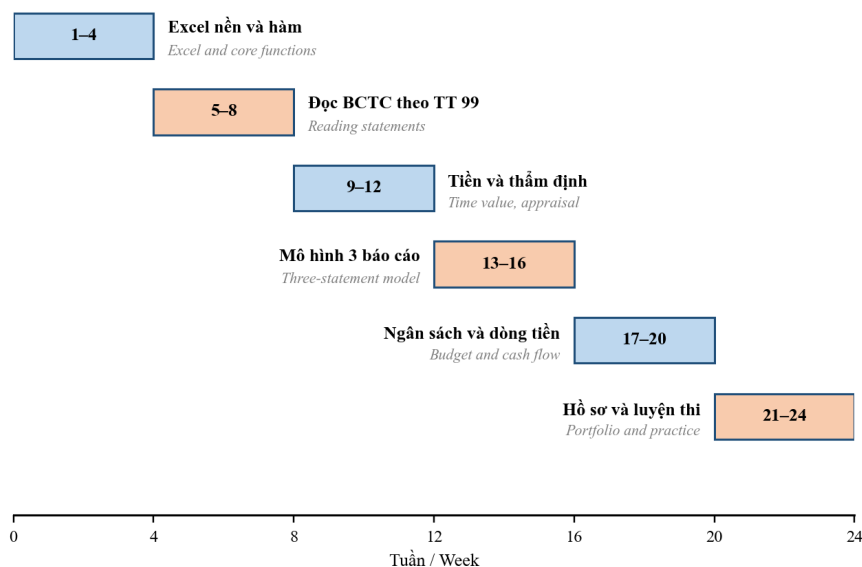
GHI NHỚ / KEY POINT – Nhà tuyển dụng kiểm nhanh ba thứ: Excel, đọc BCTC, và một đoạn kết luận viết bằng số. Ba thứ này đo được trong một buổi, nên hồ sơ cần ba sản phẩm tương ứng.

Employers test three things quickly: Excel, reading statements and a conclusion written with numbers. All three can be tested in one sitting, so your portfolio needs one piece for each.

2.7. Lộ trình tự học 24 tuần – *2.7. A 24-week self-study plan*

Lộ trình dành 10 giờ mỗi tuần, tổng 240 giờ, chia sáu giai đoạn bốn tuần. Cuối mỗi tuần có một sản phẩm tự kiểm: nếu sản phẩm chưa qua phép kiểm thì lặp lại tuần đó trước khi đi tiếp.

The plan takes 10 hours a week, 240 hours in all, in six blocks of four weeks. Each week ends with a self-check piece: if the piece fails its check, repeat the week before moving on.



Hình 2.1. Sáu giai đoạn của lộ trình tự học 24 tuần

Figure 2.1. The six blocks of the 24-week self-study plan

Tuần 1–12: nền tảng – Weeks 1–12: foundations

Tuần Week	Nội dung Topic	Sản phẩm tự kiểm Self-check piece
1	Excel nền: tham chiếu tuyệt đối, tên vùng, định dạng số <i>Excel basics: absolute references, named ranges, number formats</i>	Bảng 12 tháng, mọi giả định nằm ở một ô riêng; không có số gõ cứng trong công thức <i>A 12-month sheet with every assumption in its own cell; no hard-coded numbers in formulas</i>
2	SUMIFS, XLOOKUP hoặc INDEX–MATCH, EOMONTH <i>SUMIFS, XLOOKUP or INDEX–MATCH, EOMONTH</i>	Tổng hợp doanh thu 3 dòng sản phẩm theo tháng từ danh sách 200 dòng tự dựng; tổng khớp danh sách gốc <i>Revenue of three product lines by month from a self-built list of 200 rows; the total agrees with the source list</i>
3	PivotTable và biểu đồ <i>PivotTable and charts</i>	Báo cáo một trang có một biểu đồ và ba nhận xét <i>A one-page report with one chart and three comments</i>
4	Kế toán nền: định khoản và sổ cái <i>Accounting basics: journal entries and ledger</i>	Định khoản 10 nghiệp vụ; tổng Nợ bằng tổng Có <i>Ten entries journalised; total debits equal total credits</i>
5	Đọc B01 theo TT 99 <i>Reading B01 under Circular 99</i>	Bảng B01 rút gọn các mã 110, 130, 141, 280, 300, 400, 440; mã 280 bằng mã 440 <i>A short B01 with codes 110, 130, 141, 280, 300, 400 and 440; code 280 equals code 440</i>

Tuần Week	Nội dung Topic	Sản phẩm tự kiểm Self-check piece
6	Đọc B02 và B03 gián tiếp <i>Reading B02 and B03 (indirect method)</i>	Sơ đồ nối lợi nhuận sau thuế (mã 60) sang B03; lưu chuyển tiền thuần bằng thay đổi tiền trên B01 <i>A map from profit after tax (code 60) to B03; net cash flow equals the change in cash on B01</i>
7	Chỉ số thanh khoản, đòn bẩy, hiệu quả, DuPont <i>Liquidity, leverage, efficiency ratios and DuPont</i>	Bảng 12 chỉ số hai năm; ROE bằng tích ba nhân tố DuPont <i>A 12-ratio table for two years; ROE equals the product of the three DuPont factors</i>
8	Vốn lưu động: DSO, DIO, DPO, chu kỳ chuyển đổi tiền mặt <i>Working capital: DSO, DIO, DPO, cash conversion cycle</i>	Tính lại 77,4 ngày của Phúc An năm 2026 từ B01 và B02 <i>Recompute Phúc An's 77.4 days for 2026 from B01 and B02</i>
9	Giá trị thời gian của tiền: FV, PV, niên kim <i>Time value of money: FV, PV, annuities</i>	Bảng trả nợ 5 năm bằng PMT, IPMT, PPMT; tổng gốc bằng số vay <i>A five-year repayment table with PMT, IPMT and PPMT; total principal equals the loan</i>
10	Rủi ro – lợi nhuận, CAPM, chi phí vốn, WACC <i>Risk and return, CAPM, cost of capital, WACC</i>	Bảng WACC với trọng số tổng bằng 100% <i>A WACC table whose weights sum to 100%</i>
11	NPV, IRR, PI, hoàn vốn có chiết khấu <i>NPV, IRR, PI, discounted payback</i>	Dự án 8 năm: NPV tính bằng NPV và bằng cộng tay từng năm cho cùng kết quả <i>An eight-year project: NPV from the function and from adding each year by hand give the same result</i>
12	Độ nhạy và kịch bản: Data Table, Goal Seek <i>Sensitivity and scenarios: Data Table, Goal Seek</i>	Bảng độ nhạy 2 chiều; Goal Seek tìm giá bán để NPV = 0 <i>A two-way sensitivity table; Goal Seek finds the price at which NPV = 0</i>

Tuần 13–24: mô hình, công việc thật, hồ sơ – Weeks 13–24: modelling, real tasks, portfolio

Tuần Week	Nội dung Topic	Sản phẩm tự kiểm Self-check piece
13	Mô hình 3 báo cáo: giả định, doanh thu, giá vốn <i>Three-statement model: assumptions, revenue, cost of sales</i>	Trang giả định và báo cáo kết quả kinh doanh 3 năm <i>An assumptions sheet and a three-year income statement</i>

Tuần Week	Nội dung Topic	Sản phẩm tự kiểm Self-check piece
14	Mô hình: vốn lưu động, TSCĐ, khấu hao <i>Model: working capital, fixed assets, depreciation</i>	Bảng phải thu, tồn kho, phải trả, TSCĐ có số dư đầu và cuối <i>Schedules for receivables, inventory, payables and fixed assets with opening and closing balances</i>
15	Mô hình: nợ vay, lãi, thuế, cổ tức <i>Model: debt, interest, tax, dividends</i>	Bảng vay có gốc, lãi; lãi tính trên dư nợ đầu năm nên không có vòng tham chiếu <i>A debt schedule with principal and interest; interest on opening debt, so no circular reference</i>
16	Mô hình: ghép 3 báo cáo và kiểm cân đối <i>Model: link the three statements and check the balance</i>	Dòng kiểm tra tổng tài sản trừ tổng nguồn vốn bằng 0 cả 3 năm <i>A check row, total assets minus total funding, equal to 0 in all three years</i>
17	Ngân sách năm: giả định, doanh thu theo tháng có mùa vụ <i>Annual budget: assumptions, seasonal monthly revenue</i>	Doanh thu 12 tháng cộng lại bằng doanh thu năm <i>Twelve months of revenue add up to the annual figure</i>
18	Chênh lệch ngân sách – thực hiện: giá, lượng, cơ cấu <i>Budget against actual: price, volume, mix</i>	Ba thành phần cộng lại đúng bằng tổng chênh lệch <i>The three components add up exactly to the total variance</i>
19	Dòng tiền 13 tuần <i>13-week cash flow</i>	Bảng 13 tuần có số dư đầu, thu, chi, số dư cuối; tuần nào thiếu thì tô đậm <i>A 13-week table with opening balance, receipts, payments, closing balance; shortfall weeks highlighted</i>
20	Quan hệ ngân hàng: lịch trả nợ, cam kết nợ vay trên EBITDA <i>Bank relations: repayment schedule, debt to EBITDA covenant</i>	Bảng theo dõi cam kết có cột ngưỡng và cột đạt hay không <i>A covenant tracker with a threshold column and a pass or fail column</i>
21	Trình bày: 5 slide và tờ trình một trang <i>Presenting: five slides and a one-page paper</i>	Một người không làm tài chính đọc xong nói lại được kết luận trong 30 giây <i>A reader outside finance can restate the conclusion in 30 seconds</i>
22	Tiếng Anh tài chính <i>Financial English</i>	Sổ 30 thuật ngữ và một email 5 câu bằng tiếng Anh <i>A 30-term glossary and a five-sentence email in English</i>

Tuần <i>Week</i>	Nội dung <i>Topic</i>	Sản phẩm tự kiểm <i>Self-check piece</i>
23	Luyện bài kiểm tra Excel và phỏng vấn <i>Practising the Excel test and interviews</i>	Làm lại bài mô hình trong thời gian giới hạn; trả lời thành tiếng 10 câu hỏi <i>Rebuild the model under a time limit; answer ten questions aloud</i>
24	Hồ sơ và nộp đơn <i>Portfolio and applications</i>	CV một trang, thư xin việc, thư mục ba sản phẩm; nộp ít nhất 5 đơn <i>A one-page CV, a cover letter, a folder of three pieces; at least five applications sent</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Đọc hết giáo trình rồi mới làm bài. Sau 6 tuần chỉ còn ghi chú, không có mô hình nào chạy được. Cứ mỗi tuần nộp một sản phẩm cho chính mình và cho một người đọc (đồng nghiệp, bạn học, người hướng dẫn) kiểm.

Reading the whole textbook before doing any exercise. After six weeks you have notes and no working model. Hand in one piece every week, to yourself and to one reader (a colleague, classmate or mentor) who checks it.

2.8. Bài mô hình 3 báo cáo: tuần 13–16 – 2.8. The three-statement model exercise: weeks 13–16

Bài nộp cuối giai đoạn 4 là mô hình ba năm của một công ty mẫu. Số liệu tự đặt, đơn vị triệu đồng; bảng sau là giả định bạn nhập vào trang riêng, không gõ trong công thức.

The piece handed in at the end of block 4 is a three-year model of a sample company. The figures are invented, in VND million; the assumptions in the table go on their own sheet and are never typed inside formulas.

Giả định <i>Assumption</i>	Giá trị <i>Value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
Doanh thu năm 1 <i>Year 1 revenue</i>	200.000	Tăng 10% mỗi năm <i>Grows 10% a year</i>
Giá vốn, chưa gồm khấu hao <i>Cost of sales before depreciation</i>	70%	Theo doanh thu <i>Of revenue</i>
Chi phí bán hàng – quản lý <i>Selling and administrative expense</i>	12%	Theo doanh thu <i>Of revenue</i>
Khấu hao mỗi năm <i>Annual depreciation</i>	10.000	Đường thẳng <i>Straight line</i>
Chi mua sắm TSCĐ mỗi năm <i>Annual capital expenditure</i>	12.000	Trả tiền ngay trong năm <i>Paid in cash in the year</i>
DSO, DIO, DPO	60, 60, 45	Ngày; năm 365 ngày; DIO và DPO tính trên giá vốn <i>Days; 365-day year; DIO and DPO on cost of sales</i>

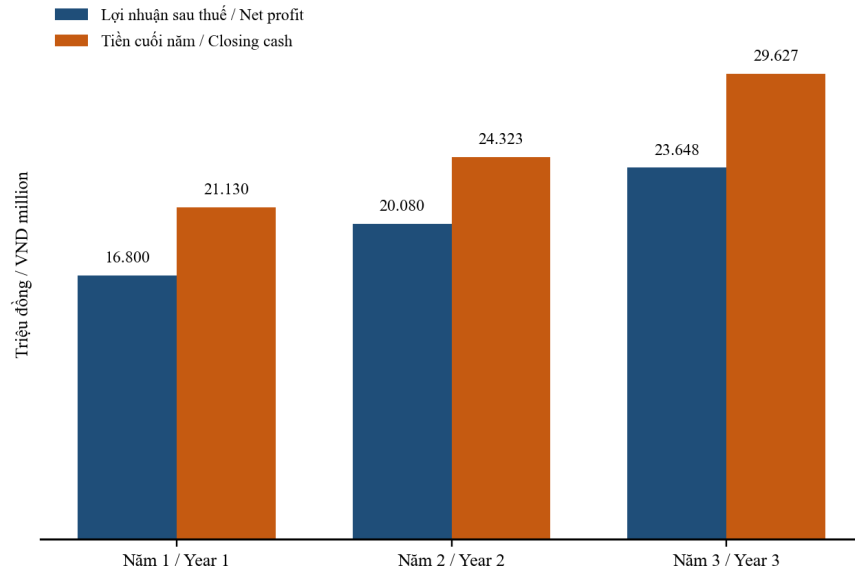
Giả định <i>Assumption</i>	Giá trị <i>Value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
Vay <i>Borrowings</i>	50.000	Lãi 10% trên dư nợ đầu năm; trả gốc 5.000 mỗi năm <i>10% interest on opening debt; principal repaid 5,000 a year</i>
Thuế TNDN, cổ tức <i>Corporate income tax, dividends</i>	20%, 30%	Cổ tức bằng 30% lợi nhuận sau thuế, trả trong năm <i>Dividend of 30% of profit after tax, paid in the year</i>
Số dư đầu: tiền, phải thu, tồn kho, TSCĐ <i>Opening: cash, receivables, inventory, fixed assets</i>	20.000; 30.000; 25.000; 80.000	Tổng tài sản 155.000 <i>Total assets 155,000</i>
Số dư đầu: phải trả, vay, vốn góp, lợi nhuận giữ lại <i>Opening: payables, borrowings, share capital, retained earnings</i>	20.000; 50.000; 60.000; 25.000	Tổng nguồn vốn 155.000 <i>Total funding 155,000</i>

Các bước dựng – Build steps

1. Lập trang Giả định, tô màu xanh dương cho ô nhập, đen cho công thức; mọi công thức khác tham chiếu về trang này.
Create an Assumptions sheet; colour input cells blue and formulas black; every other formula refers back to it.
2. Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: doanh thu, giá vốn, chi phí bán hàng – quản lý, EBITDA, khấu hao, lãi vay, thuế, lợi nhuận sau thuế.
Build the income statement: revenue, cost of sales, selling and administrative expense, EBITDA, depreciation, interest, tax, profit after tax.
3. Lập các bảng phụ: phải thu, tồn kho, phải trả theo ngày; TSCĐ; vay. Mỗi bảng có số dư đầu, phát sinh, số dư cuối.
Build the schedules: receivables, inventory and payables by days; fixed assets; borrowings. Each has opening balance, movement and closing balance.
4. Lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp: lợi nhuận sau thuế cộng khấu hao, trừ tăng phải thu và tồn kho, cộng tăng phải trả; rồi hoạt động đầu tư và tài chính.
Build the indirect cash flow statement: profit after tax plus depreciation, less increases in receivables and inventory, plus the increase in payables; then investing and financing.
5. Lấy tiền cuối kỳ từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và đặt vào báo cáo tình hình tài chính. Không dùng tiền làm số chốt để ép cân đối.
Take closing cash from the cash flow statement into the statement of financial position. Never use cash as a plug to force the balance.
6. Thêm dòng kiểm tra: tổng tài sản trừ tổng nguồn vốn; phải bằng 0 ở cả ba năm. Lệnh thì dò từng bảng phụ, không sửa số cho khớp.

Add a check row: total assets minus total funding; it must be 0 in all three years. If it is off, trace each schedule instead of adjusting numbers.

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Năm 1 <i>Year 1</i>	Năm 2 <i>Year 2</i>	Năm 3 <i>Year 3</i>
Doanh thu <i>Revenue</i>	200.000	220.000	242.000
EBITDA	36.000	39.600	43.560
Lãi vay <i>Interest</i>	5.000	4.500	4.000
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	16.800	20.080	23.648
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh <i>Operating cash flow</i>	23.170	26.217	29.399
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư <i>Investing cash flow</i>	(12.000)	(12.000)	(12.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính <i>Financing cash flow</i>	(10.040)	(11.024)	(12.094)
Tiền cuối năm <i>Closing cash</i>	21.130	24.323	29.627
Tổng tài sản <i>Total assets</i>	159.020	169.802	183.255
Tổng tài sản trừ tổng nguồn vốn <i>Total assets minus total funding</i>	0	0	0



Hình 2.2. Lợi nhuận sau thuế và tiền cuối năm của công ty mẫu, ba năm (triệu đồng)

Figure 2.2. Profit after tax and closing cash of the sample company, three years (VND million)

VÍ DỤ / EXAMPLE – Chị Đỗ Minh Châu giao Lê Hoài An chấm bài mô hình của một ứng viên. Dòng kiểm tra của ứng viên ghi 0 nhưng tiền năm 1 là một số gõ tay. Hoài An dựng lại: lợi nhuận sau thuế năm 1 là 16.800, hoạt động kinh doanh tạo 23.170, đầu tư chi 12.000, vay và cổ tức chi 10.040; tiền cuối năm 1 phải là 21.130 triệu đồng. Bài bị loại vì tiền không đến từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Đỗ Minh Châu asks Lê Hoài An to mark a candidate's model. The candidate's check row shows 0, but year-1 cash is a typed number. Hoài An rebuilds it: profit after tax in year 1 is 16,800, operations generate 23,170, investing spends 12,000, debt repayment and dividends spend 10,040; closing cash in year 1 must be VND 21,130 million. The paper fails because cash does not come from the cash flow statement.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE – Ép cân đối bằng cách đặt tiền hoặc lợi nhuận giữ lại bằng hiệu của hai vế. Dòng kiểm tra luôn bằng 0 và mô hình vẫn sai. Cách phát hiện: đổi một giả định (tăng DSO thêm 10 ngày) và xem tiền có giảm đúng số tiền phải thu tăng thêm hay không.

Forcing the balance by setting cash or retained earnings to the difference between the two sides. The check row is always 0 and the model is still wrong. To detect it, change one assumption (raise DSO by 10 days) and see whether cash falls by exactly the extra receivables.

2.9. Thực tập: xin ở đâu, làm gì để được giữ lại – 2.9. Internships: where to apply and how to be kept on

Nơi xin Where	Việc thường được giao Typical tasks	Thời điểm xin When to apply	Lưu ý Note
Phòng tài chính – kế toán của doanh nghiệp sản xuất – thương mại	Cập nhật bảng theo dõi công nợ, đối chiếu số với kế toán, dựng biểu đồ cho	Hai đến ba tháng trước kỳ thực tập; gần mùa ngân	Nơi nhìn rõ cả vòng đời một con số từ kế toán đến báo cáo quản